

Số: /KH-UBND

Việt Yên, ngày tháng 12 năm 2020

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021 – 2025**

*(Trình tại kỳ họp thứ 17, HĐND huyện khóa XIX)*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XXIII của Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020-2025, UBND huyện hoàn thiện và ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 với các nội dung như sau:

### **Phần thứ nhất**

#### **TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM, GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XXII của Đảng bộ huyện, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 trong điều kiện có nhiều thuận lợi song cũng không ít khó khăn, thách thức; nhưng với nỗ lực, tinh thần quyết tâm đổi mới, sáng tạo, chủ động, linh hoạt, quyết liệt trong chỉ đạo điều hành; cùng sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát của Huyện ủy, HĐND, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; sự nỗ lực, cố gắng của cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân và các lực lượng vũ trang trong huyện, kinh tế - xã hội của huyện đã đạt được kết quả khá toàn diện, nổi bật trên hầu hết các lĩnh vực, có 22/23 chỉ tiêu đề ra đạt và vượt kế hoạch<sup>1</sup>.

#### **A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN TỪNG LĨNH VỰC**

##### **I. Về phát triển kinh tế**

##### **1. Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế**

Tổng GTSX (theo giá so sánh 2010, không bao gồm KCN) giai đoạn 2016-2020 ước đạt 42.478 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân ước đạt 14,51%/năm, bằng 107,5% kế hoạch. Trong đó, GTSX công nghiệp - xây dựng ước đạt 26.835 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 20,9%/năm, bằng 124% kế hoạch; GTSX nông - lâm nghiệp - thủy sản ước đạt 7.504 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 1,9%/năm, bằng 32,4% kế hoạch; GTSX khu vực dịch vụ ước đạt 8.589 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 8,43%/năm, đạt 55,1% kế hoạch. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 61,28%, tăng 18,69%; dịch vụ chiếm 23,99%, tăng 0,64%; nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 14,73%, giảm 18,09% so với năm 2015.

##### **2. Sản xuất công nghiệp**

<sup>1</sup> Tỷ lệ cấp nước sạch đô thị đạt 57% kế hoạch.

Công nghiệp phát triển khá, đóng góp quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Huyện đã thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư, kinh doanh, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính<sup>2</sup>, công khai minh bạch, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ đầu tư, kinh doanh; làm tốt công tác bồi thường GPMB, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai. GTSX công nghiệp giai đoạn ước đạt 12.047,5 tỷ đồng, tăng bình quân 14,5%/năm, đạt 91% kế hoạch và cao hơn bình quân giai đoạn 2011-2015.

Được xác định là huyện trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh; trên địa bàn huyện hiện có 4 KCN quy hoạch với tổng diện tích 1100 ha<sup>3</sup>, chiếm 75,5% tổng diện tích các KCN toàn tỉnh; 3/4 KCN quy hoạch đã hoạt động, 01/4 KCN quy hoạch đang lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng. Có 4 CCN quy hoạch và hoạt động; trong kỳ đã mở rộng 58,5 ha đất CCN<sup>4</sup>, 100% CCN đã được chấp thuận đầu tư, tỷ lệ lấp đầy bình quân trên 50%. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu là điện tử, may mặc, gia công; gần đây có thêm các dự án sản xuất công nghiệp phụ trợ được chấp thuận. Theo thống kê, GTSX công nghiệp tạo ra trên địa bàn huyện (cả trong và ngoài KCN) chiếm trên 70% GTSX công nghiệp toàn tỉnh; tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tạo ra trên địa bàn huyện (gồm cả KCN) chiếm trên 40% GRDP của tỉnh.

Khu vực công nghiệp đã tạo việc làm thường xuyên cho 110.895 người<sup>5</sup>, tăng 37.108 người so với năm 2015; trong đó, các KCN 95.475 người, ngoài KCN 15.420 người; thu nhập bình quân lao động đạt khoảng 6,5 triệu/người/tháng.

Tiểu thủ công nghiệp được duy trì; hiện toàn huyện có 06 làng được công nhận làng nghề truyền thống và 01 làng được công nhận làng nghề<sup>6</sup>. Đã cấp mới đăng ký kinh doanh cho 3.685 hộ cá thể; trong đó trên 3.650 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, với thu nhập khoảng 5-6 triệu đồng/người/tháng.

Việc giải quyết vấn đề xã hội xung quanh các KCN được quan tâm. Đã huy động đa dạng nguồn lực đầu tư các công trình nước sạch; xây dựng chợ, điểm mua sắm; xây dựng các công trình giáo dục (trường mầm non); nhà ở công nhân<sup>7</sup>.

### **3. Lĩnh vực xây dựng**

Lĩnh vực xây dựng có bước phát triển mạnh. Nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung cao; các dự án đầu tư, nhất là về hạ tầng

---

<sup>2</sup> UBND huyện đã rút ngắn tối thiểu 30% số thời gian quy định hiện hành để giải quyết các thủ tục hành chính trên địa bàn thông qua việc hoàn thiện, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

<sup>3</sup> KCN Quang Châu (426ha), KCN Vân Trung (200/350ha), KCN Đình Trám (127ha), KCN Việt Hàn (197ha)

<sup>4</sup> CCN Việt Tiến mở rộng thêm 21,5ha; thành lập mới 37ha CCN Tăng Tiến.

<sup>5</sup> KCN Đình Trám 24.714 lao động (nữ 16.499 người); KCN Quang Châu: 37.397 người (nữ 25.491 người); KCN Vân Trung 33.364 người (nữ 30.631). Doanh nghiệp ngoài KCN là 15.420 người (nữ 10.1420).

<sup>6</sup> Các làng nghề truyền thống gồm: Phúc long, Chùa, Chằm, Bẩy xã Tăng Tiến; Yên Viên, Thổ Hà xã Vân Hà; thôn Nguyệt Đức xã Vân Hà được công nhận làng nghề vận tải.

<sup>7</sup> Hoàn thành mục tiêu cấp nước sạch, tu hút đầu tư đưa vào sử dụng 02 nhà máy nước: Tại xã Quang Châu với công suất 3.000m<sup>3</sup>/ngày và nhà máy nước Việt Yên tại xã Ninh Sơn với công suất 9000m<sup>3</sup>/ngày đảm bảo cung cấp nước cho người dân khu vực đô thị và quanh các khu công nghiệp. Đầu tư 100% các điểm thu gom rác thải theo quy hoạch cũng như bố trí kinh phí thực hiện quy trình thu gom xử lý rác thải trên địa bàn. Thu hút đầu tư được 03 chợ: Hoàng Ninh, Hồng Thái, chợ đầu mối Nénh với tổng mức đầu tư khoảng 60 tỷ đồng. Thu hút đầu tư xây dựng 02 trường mầm non ngoài công lập: 01 trường tại xã Quang Châu với 09 phòng học, 01 trường tại thị trấn Nénh với quy mô 25 phòng học/trường. Mở rộng, xây thêm 62/50 phòng học tại 06 trường công lập

giao thông, đô thị được hỗ trợ tạo điều kiện đẩy nhanh tiến độ... Nhiều công trình, dự án trọng điểm có quy mô lớn được triển khai hoàn thành đưa vào sử dụng đã góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thay đổi diện mạo từ đô thị đến nông thôn. GTSX xây dựng trong giai đoạn ước đạt 14.787,6 tỷ đồng; tăng trưởng bình quân 27,2%/năm, bằng 154,7% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ giai đoạn 2011-2015.

Công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn huyện được tăng cường, từng bước đi vào nề nếp. Cả 17/17 xã, thị trấn được phủ kín quy hoạch chung tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000, có quy chế quản lý kiến trúc theo quy hoạch xây dựng. Đã hoàn thành lập Quy hoạch chung đô thị huyện Việt Yên đến năm 2035; đang triển khai lập 3 quy hoạch phân khu số 1, 3, 5. Huyện đã và đang triển khai lập 28 quy hoạch chi tiết; bên cạnh đó còn nhiều nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết đang được triển khai theo hình thức tài trợ kinh phí.

#### ***4. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Dù gặp nhiều khó khăn, diện tích đất canh tác bị thu hẹp do phát triển công nghiệp và đô thị, đặc biệt Dịch tả lợn Châu Phi đã ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện các mục tiêu phát triển khu vực nông nghiệp. Ước tăng trưởng GTSX bình quân giai đoạn 2016-2020 thấp hơn giai đoạn 2011-2015<sup>8</sup> nhưng GTSX bình quân trên 1 ha đất canh tác nông nghiệp năm 2019 đạt 120 triệu đồng/ha, tăng 47,9 triệu đồng/ha so với năm 2015, đạt 101% so với kế hoạch.

Việc triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả, diện mạo nông thôn có chuyển biến tích cực. Giai đoạn 2016-2020, toàn huyện đã có 16 thôn thực hiện dồn điền đổi thửa với diện tích 835,87 ha<sup>9</sup>. Phương thức sản xuất có đổi mới theo hướng thâm canh, tập trung với quy mô sản xuất hàng hóa. Nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao được đưa vào sản xuất thay thế các giống cũ có hiệu quả kinh tế thấp. Kết cấu hạ tầng cho phát triển nông nghiệp, nông thôn được nâng cấp. Các chương trình hợp tác, nâng cao năng lực sản xuất, chuyển giao công nghệ và thúc đẩy phát triển liên kết theo chuỗi giá trị được hình thành. Đã xuất hiện một số mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất an toàn tiếp cận với xu hướng kinh tế thị trường tạo nhiều bước chuyển biến trong phát triển kinh tế nông thôn như: Các vùng sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP<sup>10</sup>; vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong nhà màng, nhà lưới<sup>11</sup>; xây dựng thương hiệu rau củ quả Việt Yên, sản phẩm OCOP... Đã xây dựng 12 cánh đồng mẫu lúa và màu với tổng diện tích 423,8ha.

Cơ cấu nội ngành nông nghiệp chuyên dịch tích cực. Chăn nuôi phát triển theo hướng giảm chăn nuôi nhỏ lẻ, tăng số lượng và quy mô chăn nuôi trang trại, tập trung, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, liên kết và hợp tác, đặc biệt là liên kết theo chuỗi khép kín. Kinh tế trang trại tiếp tục phát triển. Đến 31/5/2020, toàn huyện có 46 hộ chăn nuôi lợn trên 100 con, tăng 02 hộ so với năm 2015, ước năm 2020 có 19 trang

<sup>8</sup> Bình quân tăng trưởng giai đoạn 2011-2015 đạt 4,3%/năm.

<sup>9</sup> Đến năm 2015 toàn huyện đã có 25 thôn thực hiện dồn điền đổi thửa với diện tích 1.259,43ha

<sup>10</sup> Tại các xã Quảng Minh, Trung Sơn, Nghĩa Trung, Việt Tiến, Tự Lạn, Minh Đức (tổng diện tích 80 ha); các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng (ớt, dưa lê xanh, khoai lang, khoai tây, bí xanh) tại các xã Thượng Lan, Tự Lạn, Việt Tiến, Quảng Minh...; vùng sản xuất dược liệu tại xã Minh Đức, Nghĩa Trung (với diện tích trên 30 ha)

<sup>11</sup> xã Việt Tiến, Tự Lạn, Quảng Minh, Minh Đức... (tổng diện tích 18,47ha nhà màng, nhà lưới)

trại lợn chăn nuôi tập trung, tăng 10 trang trại so với năm 2015; có 49 cơ sở chăn nuôi gia cầm trên 1000 con, tăng 27 cơ sở so với năm 2015. Tỷ lệ chăn nuôi trang trại, gia trại và an toàn sinh học theo hướng VietGAP đạt 43%.

Nuôi trồng thủy sản hướng đến tạo ra các sản phẩm an toàn; nhiều cơ sở đã mạnh dạn áp dụng mô hình nuôi cá siêu thâm canh “sông trong ao”- (IPA). Cơ cấu giống nuôi chuyên mạnh sang giống có năng suất, giá trị kinh tế và thị trường. Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 1.107 ha, tăng 87ha so với năm 2015, trong đó diện tích nuôi trồng thủy sản an toàn sinh học đạt khoảng 350 ha<sup>12</sup>; hiện đã và đang cấp giấy chứng nhận VietGAP cho 33ha tại xã Nghĩa Trung và Thượng Lan.

Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo; diện tích rừng phòng hộ được bảo vệ nghiêm ngặt. Tổng diện tích đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện là 932 ha; trong đó diện tích rừng phòng hộ là 343ha<sup>13</sup>, diện tích rừng sản xuất là 589ha.

### **5. Xây dựng nông thôn mới**

Phong trào xây dựng nông thôn mới đạt kết quả nổi bật. Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, huyện đã có nhiều giải pháp hiệu quả, huy động được nguồn lực đáng kể từ xã hội hóa để đầu tư xây dựng nông thôn mới. Cơ sở hạ tầng, cảnh quan, môi trường đặc biệt là chất lượng sống của người dân khu vực nông thôn được cải thiện đáng kể. Đến tháng 5/2018, toàn huyện có 17/17 xã đạt chuẩn nông thôn mới, được Thủ tướng Chính phủ công nhận là huyện đạt chuẩn nông thôn mới, vượt mục tiêu 02 năm, là huyện đầu tiên của tỉnh và huyện thứ 56 của cả nước về đích nông thôn mới. Hiện nay, huyện tiếp tục chỉ đạo xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu; yêu cầu 17 xã (nay còn 15 xã) lựa chọn ít nhất 1 thôn để triển khai xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, hết tháng 11/2019 đã có 3 thôn được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu<sup>14</sup>, vượt 2 thôn so với kế hoạch tỉnh giao. Năm 2020, huyện phấn đấu xây dựng 1 xã nông thôn mới nâng cao và 4 thôn nông thôn mới kiểu mẫu; đến nay cơ bản các tiêu chí đã hoàn thành.

Chương trình mỗi xã một sản phẩm thu được kết quả bước đầu với 7 sản phẩm đánh giá phân hạng đạt từ 3 sao trở lên; trong đó có 2 sản phẩm đạt hạng 4 và 5 sản phẩm đạt hạng 3 sao.

### **6. Dịch vụ**

Thương mại dịch vụ duy trì được tốc độ phát triển ổn định. Các ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn như bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú... tăng trưởng khá, một số ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như kinh doanh bất động sản, ngân hàng, chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong cơ cấu ngành. Hạ tầng thương mại được tăng cường đầu tư, một số cơ sở thương mại, dịch vụ hiện đại bắt đầu đi vào hoạt động. Đã quy hoạch, đầu tư, thu hút đầu tư các khu dân cư, khu đô thị... gắn

---

<sup>12</sup> Tập trung ở các xã Việt Tiến, Hương Mai, Nghĩa Trung; đã hình thành một số vùng nuôi thâm canh, bán thâm canh tập trung tại các xã như Nghĩa Trung, Hương Mai, Tự Lạc, Việt Tiến...

<sup>13</sup> Xã Vân Trung 219ha, Minh Đức 97ha, Tiên Sơn 27ha.

<sup>14</sup> Thôn Nội Ninh- xã Ninh Sơn; thôn Khả Lý Thượng- xã Quảng Minh; thôn Kiểu- xã Bích Sơn

với phát triển hạ tầng thương mại<sup>15</sup>. Đối với chợ nông thôn, khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý kinh doanh và đầu tư cơ sở hạ tầng, được lồng ghép trong quá trình xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn, huyện, xã đã đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp 11 chợ nông thôn cho 11 xã; thu hút đầu tư 03 chợ đưa vào hoạt động; tất cả các chợ đều có các điểm bán hàng tập trung đáp ứng được nhu cầu mua bán trao đổi hàng hóa của nhân dân.

*Dịch vụ giao thông vận tải* phát triển nhanh với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, cơ bản đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và nhu cầu đi lại của nhân dân. Hiện có 209 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ cá thể kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, bằng 148% năm 2015; có 01 đơn vị kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi. Phương tiện vận tải tăng bình quân 11%/năm.

*Dịch vụ du lịch* có chuyển biến bước đầu, hạ tầng được quan tâm đầu tư. Chùa Bỏ Đà được công nhận là điểm du lịch cấp tỉnh. Đã triển khai một số chương trình du lịch tâm linh có tiềm năng, thu hút đáng kể lượng khách thập phương tới huyện. Trong giai đoạn, khách du lịch đến huyện tăng bình quân đạt 23,8%/năm, doanh thu du lịch tăng bình quân 37%/năm.

*Dịch vụ ngân hàng* phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp tại các KCN, CCN. Tổng huy động vốn và dư nợ tín dụng tăng trưởng khá, tỷ lệ nợ xấu giảm. Trong giai đoạn 2016-2020, tăng thêm 03 chi nhánh ngân hàng mới. Tổng huy động vốn trong giai đoạn ước đạt 10.174 tỷ đồng, 2571 nghìn USD, 436 EUR. Dư nợ tín dụng tăng bình quân 15,8%/năm; dư nợ tín dụng ngắn hạn ước đạt 2.435 tỷ đồng, trung hạn ước đạt 2851 tỷ đồng, nợ xấu ước 23 tỷ đồng.

*Dịch vụ kinh doanh bất động sản* phát triển khá mạnh. Giai đoạn 2016-2020 đã triển khai 117 dự án đầu tư công với tổng mức đầu tư 752,723 tỷ đồng; 09 dự án ngoài ngân sách Nhà nước giao cho các doanh nghiệp thực hiện với tổng kinh phí 2.098,04 tỷ đồng. Đến tháng 5/2020, đã quy hoạch trên 11.000 lô đất, đưa ra thị trường trên 9.200 lô đất (bao gồm cả đất kinh doanh dịch vụ). Một số dự án đã hoàn thành, tạo quỹ đất ở, nhà ở và các công trình điểm nhấn kiến trúc, cảnh quan đẹp cho đô thị. làm thay đổi diện mạo, nâng cao chất lượng của đô thị. Các dự án đã phát huy hiệu quả, mang lại nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước

*Dịch vụ bưu chính, viễn thông* phát triển nhanh, chất lượng hoạt động được nâng lên; bưu chính công ích tham gia tích cực và có hiệu quả trong việc cung cấp dịch vụ công, phục vụ công tác cải cách hành chính của huyện. Đã phủ sóng điện thoại di động và Internet tới tất cả các xã.

*Các dịch vụ giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật, bảo hiểm...* tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng.

## **5. Thu, chi ngân sách (NSNN)**

Thu NSNN trên địa bàn đạt kết quả tốt. Thu NSNN trên địa bàn (không kể nguồn thu tiền sử dụng đất) cả giai đoạn 2016-2020 ước đạt 1.787 tỷ đồng, tăng

---

<sup>15</sup> Chợ Hoàng Ninh, chợ Hồng Thái, chợ Bích Động, chợ đầu mối Nénh, chợ My Điền. Hình thức kinh doanh cửa hàng tự chọn tăng

bình quân 7,6%/năm; thu tiền sử dụng đất trong kỳ ước đạt 4.888 tỷ đồng, bằng 143% dự toán, tăng bình quân 8,6%/năm, bằng 1086,2% giai đoạn 2011-2015.

Chi ngân sách đã bám sát dự toán, đúng chế độ chính sách của nhà nước, đảm bảo tính công khai, minh bạch và đúng quy định của Luật ngân sách Nhà nước. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước có chuyển biến tích cực; chi cho đầu tư phát triển tăng mạnh. Kết quả thực hiện chi ngân sách huyện giai đoạn 2016-2020 đạt 6.814 tỷ đồng, tăng bình quân 4,7%/năm; trong đó: chi đầu tư đạt 4.123 tỷ đồng, tăng bình quân 6,6%/năm, chiếm 60,5% tổng chi ngân sách, chi thường xuyên đạt 2.691 tỷ đồng, tăng bình quân 2,4%/năm, chiếm 39,5% tổng chi ngân sách.

## **6. Thu hút đầu tư; phát triển các thành phần kinh tế**

Môi trường đầu tư, kinh doanh của huyện ngày càng thông thoáng, hấp dẫn hơn; tiến độ cho ý kiến đối với đề nghị chấp thuận đầu tư và triển khai các dự án nhanh hơn; chất lượng dự án đầu tư vào địa bàn tốt hơn, hầu hết các dự án được chấp thuận đầu tư vào địa bàn đã triển khai đầu tư theo đúng lộ trình và tiến hành sản xuất, kinh doanh theo đúng kế hoạch đề ra.

Tính riêng từ năm 2016 đến hết tháng 5/2020 (không bao gồm KCN), toàn huyện đã thu hút được 48 dự án đầu tư nguồn vốn trong nước với tổng số vốn đầu tư 1906,82 tỷ đồng, bằng 138% giai đoạn 2011-2015 và 6 dự án nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3.630,46 nghìn USD, bằng 140% giai đoạn 2011-2015. Lũy kế đến hết tháng 5/2020 toàn huyện có 139 dự án đầu tư, trong đó có 121 dự án đầu tư trong nước tổng vốn đăng ký là 353,14 tỷ đồng; 9 dự án đầu tư nước ngoài với số vốn đăng ký là 19,183 triệu USD. Các dự án thu hút đầu tư đã đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đến 31/5/2020, thu hút ngoài KCN được 48 dự án đầu tư nguồn vốn trong nước với tổng số vốn đầu tư 1906,82 tỷ đồng, bằng 138% giai đoạn 2011-2015 và 6 dự án nước ngoài với tổng vốn đăng ký 3.630,46 nghìn USD, bằng 140% giai đoạn 2011-2015. Khu vực công nghiệp đã tạo việc làm thường xuyên cho 110.895 người, tăng 37.108 người so với năm 2015; trong đó, các KCN 95.475 người, ngoài KCN 15.420 người; thu nhập bình quân lao động đạt khoảng 6,5 triệu/người/tháng.

Phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác được chú trọng. Trong kỳ có 559 doanh nghiệp thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp toàn huyện lên **1.278** doanh nghiệp<sup>16</sup>, chiếm 15% so với tổng số doanh nghiệp trên toàn tỉnh. Kinh tế tập thể với nòng cốt là hợp tác xã từng bước đổi mới trong tổ chức và hoạt động, thích ứng ngày càng tốt với quy luật thị trường; hiện toàn huyện có 76 hợp tác xã với 805 thành viên, tổng vốn đăng ký hoạt động là 173 tỷ đồng.

## **II. Văn hóa, xã hội, đối ngoại**

### **1. Giáo dục, đào tạo**

Giáo dục tiếp tục phát triển theo hướng nâng cao chất lượng ở các cấp học. Quy mô, mạng lưới trường, lớp các cấp học được rà soát, sắp xếp lại đảm bảo hợp

---

<sup>16</sup> Trong KCN là 252 doanh nghiệp, còn lại là ngoài KCN. Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn huyện đang hoạt động khoảng 727 doanh nghiệp,

lý, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập của nhân dân. Xã hội hóa giáo dục, nhất là bậc học mầm non tăng mạnh. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được đầu tư theo hướng chuẩn hóa và hiện đại; đã giải quyết cơ bản vấn đề nhà vệ sinh trường học không bảo đảm tiêu chuẩn. Môi trường giáo dục ngày càng thân thiện, lành mạnh. Chất lượng dạy học và năng lực quản trị trường học của đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý từng bước nâng lên.

Toàn huyện hiện có 62 trường<sup>17</sup>, 1.407 lớp<sup>18</sup>, 44.198 học sinh<sup>19</sup>; so với năm học 2015-2016, giảm 16 trường (do sáp nhập), tăng 155 lớp<sup>20</sup>, tăng 7.468 học sinh<sup>21</sup>. Các xã, thị trấn (đạt 100%) có trung tâm học tập cộng đồng. Tỷ lệ huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp đạt cao<sup>22</sup>. Có 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6; học sinh tốt nghiệp THCS hằng năm đạt trên 98%, vào học lớp 10 THPT đạt trên 80%.

Cơ sở vật chất trường lớp và thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm theo hướng kiên cố, chuẩn hóa và hiện đại. Trong giai đoạn, toàn huyện đã cải tạo, nâng cấp, xây mới 21 trường học và 802 phòng học, phòng chức năng với tổng kinh phí trên 600 tỷ đồng, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố toàn huyện năm 2019 lên 93,25%, tăng 12,15% so với năm 2015; dự kiến cuối năm 2020 nâng tỷ lệ kiên cố hóa lên 98%. Toàn huyện hiện có 59/62 trường chuẩn quốc gia, đạt tỷ lệ 95,16%<sup>23</sup>; ước hết năm 2020 có 60/62 trường, đạt tỷ lệ 96,8%.

Chất lượng giáo dục luôn luôn duy trì trong nhóm các huyện, thành phố dẫn đầu; năm 2019, kết quả thi học sinh giỏi xếp thứ 3, điểm thi vào lớp 10 đứng thứ nhất toàn tỉnh<sup>24</sup>. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và các hoạt động giáo dục<sup>25</sup>; tỷ lệ học sinh tiểu học được tin học đạt 50%; 100% các trường tiểu học, THCS có đủ phòng máy, máy tính để học sinh học tập.

Đội ngũ giáo viên, nhân viên được quan tâm, tăng cường cả về số lượng và chất lượng; bảo đảm cơ cấu bộ môn, đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ. Việc bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên

---

<sup>17</sup> 24 trường mầm non, 19 trường TH, 19 trường THCS

<sup>18</sup> Mầm non: 503 lớp; TH: 601 lớp; THCS: 303 lớp. Có 44.151 HS (MN: 13.722 HS; TH: 19.196 HS; THCS: 11.233 HS).

<sup>19</sup> Gồm: 13.850 HS mầm non, 19.129 HS TH, 11.219 HS THCS.

<sup>20</sup> Mầm non tăng 43 lớp, TH tăng 88 lớp, THCS tăng 24 lớp

<sup>21</sup> Mầm non tăng 344 HS; TH tăng 4.771 HS; THCS tăng 2.353 HS

<sup>22</sup> 20% trẻ trong độ tuổi nhà trẻ, 100% trẻ mẫu giáo ra lớp (tăng 3,7% so với năm 2015); 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

<sup>23</sup> Trong đó mầm non có 23/24 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 95,83%); TH có 19/19 trường đạt chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 100%), THCS có 17/19 trường chuẩn quốc gia (đạt tỉ lệ 89,47%)

<sup>24</sup> Năm 2019, đoạt 157 giải cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc, đồng đều cả trong lĩnh vực học tập và trong trào lưu cuộc thi đạt giải cao như: 01 Huy chương Bạc, 23 giải Nhất, 53 giải Nhì, 63 giải Ba, 17 giải KK. Bóng đá nam TH đạt giải Nhất tỉnh, Nhất khu vực 1, đoạt Huy chương Bạc toàn quốc. Thi “Tiếng hát nhà giáo và người lao động ngành giáo dục tỉnh Bắc Giang” và “Giai điệu tuổi hồng” đều đạt giải nhất tỉnh; thi Bơi, Đá cầu, ATGT, ... đều xếp thứ Nhì tỉnh; thi sáng tạo KHKT 5/5 sản phẩm đạt giải; thi HSG văn hóa cấp tỉnh đạt 45 giải (03 giải Nhất, 13 giải Nhì, 20 giải Ba, 09 giải KK) xếp thứ 3/10 huyện, thành phố.

<sup>25</sup> 100% các trường có đường truyền Internet tốc độ cao, các thiết bị tin học (máy chiếu, máy tính, máy in, bảng tương tác thông minh, ...) được đầu tư theo hướng chuẩn, hiện đại và đồng bộ; 100% các trường có trang thông tin điện tử đảm bảo các yêu cầu của ngành; các hệ thống quản lý trực tuyến (CSDL ngành, hệ thống quản lý học sinh SMAS, Edu) được duy trì và hoạt động hiệu quả, trong đó số liệu, dữ liệu về giáo dục luôn được các đơn vị cập nhật, bổ sung đầy đủ, kịp thời và chính xác theo yêu cầu của ngành; các phần mềm hỗ trợ giảng dạy được giáo viên ứng dụng hiệu quả trong các hoạt động giáo dục; các phần mềm hỗ trợ công tác quản lý

cơ bản theo quy định ở các bậc học<sup>26</sup>. Có 100% cán bộ quản lý và giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo<sup>27</sup>.

Việc đổi mới phương pháp dạy và học được quan tâm. Trong thời gian diễn ra dịch Covid-19, đã thực hiện tốt phương châm Học sinh “Tạm dừng đến trường, không dừng học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đang tích cực chuẩn bị thực hiện chủ trương đổi mới sách giáo khoa cho năm học mới.

## **2. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số - KHHGD**

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển cơ sở y tế được quan tâm. Công tác y tế dự phòng, các biện pháp chủ động trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 được triển khai đạt kết quả tốt. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được chỉ đạo thường xuyên. Công tác khám chữa bệnh và tinh thần thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế có nhiều chuyển biến tốt. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế và hoạt động chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ - trẻ em, các đối tượng chính sách. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020, với 17/17 xã, thị trấn đạt 100%.

Trung tâm Y tế huyện, y tế cấp xã, y tế trường học, nhân viên y tế thôn tiếp tục được củng cố và hoàn thiện. Y tế cấp xã và y tế trường học hoạt động ổn định. Các cơ sở y được tư nhân phát triển nhanh<sup>28</sup>. Toàn huyện có 01 Trung tâm Y tế đa chức năng quy mô 190 giường bệnh (thực kê 236 giường bệnh), 05 phòng khám tư nhân. Tỷ lệ giường bệnh/vạn dân đạt 13,7 giường. Số xã có bác sỹ công tác tại trạm y tế là 16/17 xã, đạt 94%. Duy trì 100 % số trạm y tế xã có bác sỹ, nữ hộ sinh hoặc y sỹ; có 134/ 134 thôn, khu phố có nhân viên y tế hoạt động thường xuyên. Có 34/38 trường mầm non, tiểu học có nhân viên y tế học đường. Phát triển BHYT toàn dân đạt kết quả tích cực, tỷ lệ tham gia BHYT đạt 100%, cao nhất tỉnh.

Công tác dân số - KHHGD và chăm sóc sức khỏe sinh sản được quan tâm; tỷ suất sinh hàng năm giảm dần (năm 2015 là 18,36 ‰, năm 2019 giảm còn 14,9 ‰).

## **3. Sự nghiệp văn hoá, thể thao, thông tin và truyền thông**

Văn hóa, thông tin và thể thao được quan tâm, đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của nhân dân. Môi trường văn hoá có nhiều cải thiện. Một số mô hình tự quản của cộng đồng dân cư được nhân dân đồng tình, ủng hộ và nhân rộng. Việc xây dựng văn hoá trong các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, doanh nghiệp, khu dân cư và mỗi gia đình được chú trọng. Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” tiếp tục tác động ngày càng sâu rộng trong mọi hoạt động của xã hội, xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu. Vai trò của gia đình trong việc giữ gìn, bồi dưỡng các giá trị văn hoá, đạo đức được đề cao. Các hủ tục lạc hậu trong cưới xin, tang ma và lễ hội được loại bỏ; việc tổ chức đám cưới trong

---

<sup>26</sup> Đến nay, tỉ lệ GV/lớp của mầm non đạt 1,8 (bằng tỉ lệ của tỉnh), TH đạt 1,31 thấp hơn tỉ lệ chung của tỉnh là 0,08 (tỉnh là 1,39), THCS đạt 1,84 thấp hơn tỉ lệ chung của tỉnh là 0,16 (tỉnh là 2,0).

<sup>27</sup> Trong đó mầm non có 82,8% trên chuẩn, TH có 93,25% trên chuẩn, THCS có 72,4% trên chuẩn; 07 CBQL và giáo viên đạt trình độ Thạc sĩ; 100% CBQL có trình độ trung cấp lí luận chính trị, 01 CBQL có trình độ cao cấp lí luận chính trị

<sup>28</sup> Năm 2019 có 5 phòng khám đa khoa, 38 phòng khám chuyên khoa, tăng 30 cơ sở so 2015, 156 cơ sở bán lẻ thuốc chữa bệnh, tăng 74 cơ sở so 2015.



một ngày dần mang tính phổ biến; tỷ lệ đám tang thực hiện hỏa táng tăng, năm 2016 đạt 18 %, đến năm 2019 đạt 24%.

Các công trình văn hoá, thể thao, di tích lịch sử - văn hoá, di sản văn hoá được bảo tồn, phát huy. Đến năm 2019, toàn huyện có 124/134 thôn, khu phố có nhà văn hóa; 521 sân thể thao các loại và 17/17 hội trường văn hóa đa năng cấp xã; 01 Quảng trường trung tâm huyện hơn 3 ha bảo đảm phục vụ cho các sự kiện lớn, các hoạt động sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, vui chơi giải trí cho các tầng lớp nhân dân. Hỗ trợ thiết bị văn hóa thông tin cho 29 nhà văn hóa cấp xã và các thôn, khu phố trên địa bàn. Tron giai đoạn, có 15 di tích được xếp hạng, trong đó 01 di tích được công nhận di tích Quốc gia đặc biệt (chùa Bồ Đà), 01 di tích cấp Quốc gia (Mộ và Đền thờ Hán Quận Công Thân Công Tài) và 13 di tích cấp tỉnh<sup>29</sup>. Ngoài ra, một số hạng mục của chùa Bồ Đà được vinh danh như: Vườn tháp được Tổ chức Kỷ lục Việt Nam công nhận là Vườn tháp lớn nhất Việt Nam; Bộ mộc bản kinh chùa Bồ Đà được Liên minh Kỷ lục thế giới (WorldKings) công nhận là “Bộ mộc bản kinh Phật thuộc thiền phái Lâm Tế khắc trên gỗ thị cổ nhất thế giới”; được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận là Bảo vật Quốc gia.

Hoạt động lễ hội truyền thống được duy trì, tiếp tục bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa truyền thống, khơi dậy những phong tục, tập quán tốt đẹp. Các hoạt động văn hoá, thể thao phong phú, đa dạng, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sáng tạo văn hoá của nhân dân. Đã duy trì hoạt động thường xuyên 375 câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao. Tỷ lệ người dân thường xuyên luyện tập thể dục thể thao năm 2015 là 29%, đến năm 2019 tăng lên 40%. Các đoàn vận động viên, diễn viên của huyện tích cực tham gia và đạt nhiều giải trong các cuộc thi cấp tỉnh và toàn quốc. Trong 5 năm, số giải thể thao, văn nghệ cấp tỉnh, cấp quốc gia là 192 giải<sup>30</sup>.

Hoạt động bưu chính, viễn thông có nhiều đổi mới, thực hiện tốt dịch vụ giao nhận thủ tục hành chính đến tận nhà người dân. Hệ thống phát thanh, truyền thanh từ huyện đến cơ sở được củng cố, làm tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị. Đến nay, 100% số xã, thị trấn có đài truyền thanh và hệ thống loa được kết nối hoạt động đến các thôn, khu phố, thường xuyên tiếp âm tiếp sóng Đài Truyền thanh huyện; đã triển khai xây dựng hệ thống truyền thanh FM không dây tại 02 xã (Minh Đức và Ninh Sơn).

Tiếp tục thực hiện “Đề án tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình Việt Nam giai đoạn 2010-2020”; trọng tâm là tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực gia đình<sup>31</sup>. Ước tỷ lệ hộ gia đình được công nhận danh hiệu Gia đình văn hoá năm 2020 đạt 89%, bằng 101% so với kế hoạch; làng, khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 76,12%,

---

<sup>29</sup> Lũy kế đến nay, toàn huyện có 96 di tích đã được xếp hạng, gồm 2 di tích cấp quốc gia đặc biệt, 20 di tích cấp quốc gia và 74 di tích cấp tỉnh.

<sup>30</sup> 11 giải thể thao cấp quốc gia, 01 giải văn nghệ cấp quốc gia, 148 giải thể thao cấp tỉnh, 32 giải văn nghệ cấp tỉnh.

<sup>31</sup> Duy trì hoạt động của 91 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, 46 nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, 47 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; 20 cơ sở y tế khám, chữa bệnh và tạm lánh cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, tránh rủi ro về tính mạng, sức khỏe, giảm thiểu hậu quả do bạo lực gia đình gây ra, số vụ bạo lực gia đình hàng năm có chiều hướng giảm.

bằng 101% so với kế hoạch; 01 thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 15/15 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.

#### ***4. Các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo và nâng cao đời sống nhân dân***

Công tác an sinh xã hội, tạo việc làm và giảm nghèo được quan tâm thực hiện. Đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định, góp phần ổn định đời sống nhân dân và đảm bảo an sinh xã hội<sup>32</sup>.

Các chương trình, dự án giảm nghèo được thực hiện đồng bộ, hiệu quả. Người nghèo ngày càng được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội một cách đầy đủ, công bằng, toàn diện hơn. Hết năm 2019, toàn huyện còn 1.370 hộ nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 2,88% và 2.262 hộ cận nghèo; ước năm 2020 tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 1,99%. Việt Yên là huyện đầu tiên của tỉnh duy trì nhiều năm liền không có hộ nghèo là người có công với cách mạng.

Giai đoạn 2016-2020, đã tạo việc làm mới cho 16.581 lao động, bằng 115,6% kế hoạch; trong đó, giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động cho 1.094 người. Nâng số lao động được giải quyết việc làm trên địa bàn đạt 110.895 người, tăng 10.526 lao động so với năm 2015. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70%. Tính kỷ luật và chuyên nghiệp của lực lượng lao động dần nâng lên.

### **III. Tài nguyên, môi trường và khoa học công nghệ**

#### ***1. Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường***

Công tác quản lý đất đai, tài nguyên, môi trường được tăng cường và đạt kết quả tích cực. Đã hoàn thành lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020; triển khai đo đạc bản đồ địa chính 17/17 xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm. Cơ bản hoàn thành công tác dồn điền, đổi thửa. Ban hành Chỉ thị về chấn chỉnh và tăng cường quản lý đất đai; tổ chức Hội nghị quán triệt Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên - môi trường cho cán bộ, công chức, viên chức từ huyện đến cấp xã; thành lập 3 tổ kiểm tra công tác quản lý đất đai trên địa bàn; kiện toàn Ban chỉ đạo xử lý vi phạm đất đai, trật tự xây dựng, vi phạm hành lang giao thông. Công tác đo đạc được triển khai tích cực. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giải quyết đất kinh doanh dịch vụ được tập trung đẩy mạnh; làm tốt công tác giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư<sup>33</sup>.

Quan tâm chỉ đạo giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nông thôn; tăng cường hoạt động chiến dịch cao điểm vệ sinh môi trường. Đã xây dựng 98 điểm tập kết, trung chuyển rác tại các thôn, 01 Khu xử lý rác tập trung của huyện. Thành

---

<sup>32</sup> Trong giai đoạn, đã giải quyết 1.568 hồ sơ mai táng phí cho người có công; thẩm định 1.509 hồ sơ khác về người có công và chế độ chính sách đối với người tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau năm 1975 đã phục viên xuất ngũ thôi việc.

<sup>33</sup> Lũy kế trong kỳ báo cáo, toàn huyện cấp được 32.579 GCN với diện tích 1.628,79 ha<sup>33</sup>. Phê duyệt 475 phương án bồi thường giải phóng mặt bằng, giải phóng trên 623 ha đất các loại để thực hiện dự án, chi trả trên 856 tỷ đồng cho 14528 lượt tổ chức, hộ cá nhân; giao đất 3980 lô đất dịch vụ cho các hộ dân trên địa bàn 5 xã, thị trấn.

lập và duy trì hoạt động có hiệu quả 162 tổ, đội vệ sinh môi trường tại 133 thôn, khu phố. Trang bị 2015 xe gom rác đẩy tay, 440 thùng đựng rác với tổng kinh phí 6,6 tỷ đồng. Mua 4 lò đốt rác thải sinh hoạt cho các xã Thượng Lan, Ninh Sơn và Việt Tiến, nâng số lò toàn huyện lên 6 lò<sup>34</sup>. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh 99%, đạt 101% kế hoạch; tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt 40%; tỷ lệ thu gom chất thải rắn nông thôn 89,3%, đạt 112% kế hoạch, tỷ lệ được xử lý đạt 91%; tỷ lệ chất thải rắn đô thị thu gom được xử lý hợp vệ sinh 100%, đạt 100% kế hoạch, tỷ lệ được xử lý đạt 100%.

## **2. Khoa học và công nghệ**

Chú trọng khuyến khích các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Đã triển khai một số mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp; cải tiến giống cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu, áp dụng các công nghệ bảo quản chế biến sau thu hoạch. Xác lập nhãn hiệu cho nông sản đặc thù, truy xuất nguồn gốc một số sản phẩm nông sản chủ lực.

## **IV. Phát triển kết cấu hạ tầng và đô thị**

Kết cấu hạ tầng được quan tâm, thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển. Đã thực hiện tốt công tác phân kỳ đầu tư, ưu tiên những dự án quan trọng, tạo sự đột phá. Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 thực hiện ước bằng 420% so với dự kiến ban đầu<sup>35</sup>. Ước tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 2016-2020 đạt 36.576 tỷ đồng, bằng 243,84% kế hoạch, bằng 231% giai đoạn 2011-2015.

### **1. Hạ tầng giao thông**

Có sự chuyển biến rõ nét, mạng lưới giao thông được phát triển theo hướng đồng bộ, nhiều trục giao thông quan trọng đã và đang được tập trung đầu tư xây dựng. Tổng vốn đầu tư phát triển giao thông - vận tải giai đoạn 2016-2020 cho 65 dự án là 2.472 tỷ đồng, chiếm 52,6%, trong đó: ngân sách Trung ương, TPCP là 38,8 tỷ đồng, chiếm 1,6%; ngân sách tỉnh là 16 tỷ đồng, chiếm 0,6%; ngân sách huyện là 2.417 tỷ đồng, chiếm 97,8%.

Hết năm 2019, tổng chiều dài đường bộ trên địa bàn huyện có khoảng 280 km; bao gồm 25,2 km đường quốc lộ, 35 km đường tỉnh, 56,4 km đường huyện, 163,4 km đường trục xã. Đường huyện đã cứng hóa 56,358km/56,385km (của 10 tuyến), đạt 100%, tăng 11% so với năm 2015. Đường trục xã đã cứng hóa 163,4km/163,4 km, đạt 100%, tăng 46,57% so với năm 2015, chủ yếu là đường GTNT loại A và loại B với bề rộng nền đường từ 3,0-6,5 m, mặt đường rộng từ 3,0-5,0m. Đường thôn, xóm đã cứng hóa 295,4km/311,2 km, đạt 94,9%, tăng 24,75% so với năm

<sup>34</sup> Trong đó bãi rác trung tâm huyện 02 lò; xã Ninh Sơn 01 lò; xã Việt Tiến 02 lò; xã Thượng Lan 01 lò.

<sup>35</sup> Trong đó, nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn huyện 3.910 tỷ đồng, bằng 1116% giai đoạn 2011-2015 được thực hiện đồng bộ trên các lĩnh vực: Giáo dục; trụ sở cơ quan; văn hóa, di tích; các dự án công viên, cây xanh chỉnh trang tạo cảnh quan đô thị; công trình thủy lợi. Các công trình tạo điểm nhấn kiến trúc cho 02 thị trấn tạo sự chuyển biến bộ mặt đô thị: quảng trường Bích Động, quảng trường Nền, hệ thống chiếu sáng, đèn trang trí đô thị, sân vận động, lát vỉa hè, di chuyển khu cơ quan hành chính tới khu mới, sắp xếp quản lý lại trật tự vỉa hè, lòng đường; các công trình tâm linh: Đền thờ danh nhân văn hóa tiến sỹ Thân Nhân Trung; Đền thờ Hán quân công Thân Công Tài, Tu bổ di tích quốc gia Chùa bồ Đà; đền thờ Thạch Linh Thần Tướng... đã tạo được tiền đề thực hiện Kế hoạch phát triển du lịch tâm linh của tỉnh và của huyện...

2015, chủ yếu là đường GTNT loại B với bề rộng nền đường từ 2,5m-3,5 m, mặt đường rộng từ 2,0-2,5m. Đường trục chính nội đồng đảm bảo xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện với 287,7km/354,4 km, đạt 81,1%, tăng 40% so với năm 2015 và nằm trong nhóm đầu của tỉnh về tỷ lệ cứng hóa giao thông. Điểm nổi bật là trong giai đoạn 2016-2020, huyện đã thực hiện xây mới, cải tạo nâng cấp 324,8 km đường với tổng kinh phí 1381 tỷ đồng; trong đó đầu tư mới 12 tuyến đường với tổng chiều dài là 47,1 km, kinh phí 1.177 tỷ đồng.

Ngoài ra, đường thủy được khai thác tốt với lợi thế sông Cầu chảy qua có chiều dài 21 km (từ Km 40 đến Km 61), có 09 bến khách ngang sông<sup>36</sup>. Đường sắt trên địa bàn dài 10,3km được quản lý theo quy định toàn tuyến.

## **2. Hạ tầng công nghiệp**

Các KCN, CCN trên địa bàn được quy hoạch và triển khai tại các trục, tuyến giao thông thuận lợi với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Hiện có 3/4 KCN (Đình Trám, Vân Trung, Quang Châu), 3/4 CCN (Việt Tiến, Hoàng Mai, Vân Hà) được giao chủ đầu tư và đi vào hoạt động, từng bước hoàn thiện và đồng bộ góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp trên địa bàn.

## **3. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn**

Có nhiều thay đổi theo hướng ngày càng hoàn thiện, hiện đại. Trong giai đoạn, đã tập trung cho đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi: kênh, mương, trạm bơm, hồ chứa nước, giao thông nội đồng, hệ thống điện phục vụ sản xuất,... bảo đảm an mùa mưa lũ, kết hợp giao thông đi lại của người dân với 18 dự án, tổng mức đầu tư 149,894 tỷ đồng (ngân sách huyện). Đã cứng hóa 9,7 km đê Trung ương, 22 km đê địa phương; tu sửa 85/92 trạm bơm tưới, tiêu; tổng số kênh mương do xã quản lý cứng hoá đạt 196km/320 km, đạt tỷ lệ 61,1%. Hệ thống kênh mương do xã quản lý được nạo vét hàng năm trên 500 m<sup>3</sup>. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới tiêu chủ động đạt trên 90%, tăng 20% so với năm 2015.

Ngoài ra, đã huy động được nguồn vốn ngoài ngân sách thông qua triển khai thực hiện các đề án, dự án, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp; qua đó tạo sự chuyển biến tích cực về sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn; làm thay đổi cách nghĩ, tập quán canh tác truyền thống của người dân trong ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giảm đáng kể chi phí đầu vào; tạo được mối liên kết giữa “4 nhà” trong chuỗi sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, làm tăng hiệu quả, tăng thu nhập và cải thiện đời sống người dân.

## **4. Hạ tầng cấp nước**

Cấp nước đô thị (thị trấn Bích Động và Nénh) sử dụng nguồn nước mặt sông Cầu, nước ngầm làm nguồn nước cấp cho sinh hoạt và sản xuất. thông qua Nhà máy nước sạch Việt Yên công suất 9.000 m<sup>3</sup>/ngđ, Nhà máy nước Quang Châu công suất 3000m<sup>3</sup>/ngđ có khả năng đáp ứng 100% dân số đô thị, song mới chỉ có 40% dân số đô thị sử dụng, bằng 189% giai đoạn 2011-2015.

---

<sup>36</sup> Tập trung ở các xã Tiên Sơn 03 bến (đã cấp phép), Vân Hà 04 bến (đã cấp phép), Vân Trung 01 bến (đã cấp phép), Quang Châu 01 bến (chưa cấp phép)

Cấp nước nông thôn: Tỷ lệ cấp nước sạch ở các xã Quang Châu, Tăng Tiến, Vân Hà, Quảng Minh, Ninh Sơn, Bích Sơn (cũ) và Hoàng Ninh (cũ) đạt khoảng 30-40%; các xã còn lại chủ yếu dùng nước giếng khoan gắn với phương án xử lý an toàn khi sử dụng, tỷ lệ đạt 99%, tăng 3% so với năm 2015.

Cấp nước công nghiệp: Có 2/4 KCN (Quang Châu, Vân Trung) xây dựng nhà máy nước riêng. Nhà máy nước KCN Quang Châu công suất hiện có: 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nguồn nước sông Cầu, cung cấp nước cho KCN Quang Châu. Nhà máy cấp nước Vân Trung công suất hiện có 6.000 m<sup>3</sup>/ngđ, nguồn nước sông Cầu, cung cấp nước cho KCN Vân Trung.

### **5. Hạ tầng điện**

Hệ thống lưới truyền tải, phân phối điện được đầu tư đảm bảo chất lượng, vận hành linh hoạt và an toàn lưới điện, cơ bản đảm bảo cung cấp điện năng có chất lượng tốt để phục vụ an sinh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, chính trị xã hội một cách hiệu quả và bền vững. Hiện ngành điện đã đầu tư lưới truyền tải cao áp với 15,5km lưới điện truyền tải 500kV; 15,5km truyền tải 220kV; 36,9km truyền tải 110KV; có 3 xuất tuyến 110kV từ trạm 220kV Bắc Giang. Lưới trung áp vận hành ở 2 cấp điện áp là 35kV và 22kV; lưới 22kV cấp điện cho phần lớn phụ tải thuộc KCN Đình Trám, còn lưới 35kV cấp điện chủ yếu cho phụ tải dân dụng với tổng chiều dài 272,366 km. Lưới hạ áp huyện vận hành ổn định.

### **6. Hạ tầng xử lý nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang**

Đã đầu tư trên 100 điểm thu gom rác thải tại các thôn theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện được đưa về khu xử lý tập trung có diện tích 6,22 ha và 3 khu xử lý cấp xã tại Thượng Lan, Việt Tiến, Ninh Sơn. Chất thải rắn công nghiệp trong toàn huyện chưa có khu xử lý tập trung chủ yếu hợp đồng cùng các đơn vị thu gom để xử lý. Cả 3/3 KCN hoạt động trên địa bàn đã có trạm xử lý nước thải tập trung<sup>37</sup>.

Toàn huyện có 138 nghĩa trang nhân dân tập trung. Trong đó, có 7 nghĩa trang phục vụ đô thị (thị trấn Bích Động và thị trấn Nénh) với diện tích 2,9ha; 131 nghĩa trang tại các xã với tổng diện tích khoảng 30,95 ha; ngoài ra còn diện tích lớn các phần mộ nằm rải rác tại phần đất nông nghiệp tại các xã. Trong kỳ, huyện đã tập trung cải tạo, nâng cấp 107 nghĩa trang khi xây dựng nông thôn mới. Hình thức táng đang sử dụng phổ biến là chôn có cải táng, cát táng và hỏa táng.

### **7. Hạ tầng thông tin liên lạc**

Trên địa bàn có 2 doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ viễn thông (Viễn thông VNPT và Viễn thông Quân đội). Dịch vụ bưu chính phục vụ người dân trên địa bàn đã được đáp ứng tương đối đầy đủ đáp ứng các dịch vụ cơ bản, dịch vụ công, dịch vụ EMS, dịch vụ chuyển tiền, dịch vụ tiết kiệm bưu điện.

### **8. Hạ tầng văn hóa, thể thao**

Các công trình văn hoá, thể thao, di tích lịch sử - văn hoá được quan tâm xây dựng, nâng cấp, duy tu, sửa chữa. Trong giai đoạn, toàn huyện đã có 23 di tích,

<sup>37</sup> KCN Đình Trám: 2000 m<sup>3</sup>/ngđ; KCN Vân Trung: 5000 m<sup>3</sup>/ngđ; KCN Quang Châu: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ

công trình văn hóa được trùng tu, tu bổ, tôn tạo với kinh phí đầu tư trên 121 tỷ đồng<sup>38</sup> (chủ yếu là ngân sách huyện), tiêu biểu như: Xây dựng Đền thờ danh nhân văn hóa tiến sỹ Thân Nhân Trung; Đền thờ Hán Quận Công Thân Công Tài; Di tích cấp Quốc gia Chùa Thổ Hà; Thạch Linh Thần Tượng; Quảng trường Trung tâm huyện: Quảng trường Nénh.

### ***9. Hạ tầng giáo dục, đào tạo***

Đã tập trung đầu tư, cải tạo, nâng cấp 47 trường theo hướng kiên cố, chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại, xóa bộ phận học nhờ, học tạm; đáp ứng cho nhu cầu dân số tự nhiên và dân số cơ học; giải quyết vấn đề an sinh xã hội khu vực phát triển công nghiệp. Trong đó, xây mới 602 phòng học, phòng chức năng; tổng mức đầu tư 410 tỷ đồng; nâng tỷ lệ phòng học kiên cố năm 2020 ước đạt 98%; trong đó mầm non 96,1%, tiểu học 97,4%, THCS 100%.

### ***10. Hạ tầng y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân***

Cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống các trạm y tế tuyến xã được tăng cường. Tổng mức đầu tư 25 tỷ đồng từ nguồn ngân sách huyện. Đang tiến hành giải phóng mặt bằng mở rộng Trung tâm Y tế huyện để đầu tư nâng cấp theo kế hoạch trong giai đoạn 2021-2025. Công tác xã hội hóa y tế đạt được hiệu quả rõ rệt với nhiều phòng khám ngoài nhà nước, góp phần quan trọng nâng cao năng lực cho công tác khám chữa bệnh.

### ***11. Công trình trụ sở cơ quan, công sở***

Huyện đã tập trung xây dựng khu hành chính huyện tập trung. Tạo điều kiện giải phóng mặt bằng và hỗ trợ kinh phí để đầu tư xây dựng mới Kho bạc nhà nước huyện, Chi cục Thuế huyện, Ban CHQS huyện, Thi hành án huyện, Bảo hiểm xã hội huyện,... Tổng số 11 danh mục, tổng mức đầu tư là 275 tỷ đồng từ ngân sách huyện.

### ***12. Về đầu tư lĩnh vực tài nguyên và bảo vệ môi trường***

Trong giai đoạn, đầu tư công của huyện đã thực hiện 03 dự án với tổng mức đầu tư gần 3 tỷ đồng. Ngoài ra, nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã đầu tư 150 điểm thu gom rác (hiện còn 98 điểm).

### ***13. Công trình quốc phòng, an ninh***

Trong giai đoạn, đã thực hiện 4 dự án với tổng mức đầu tư 10,6 tỷ đồng cho các công trình đảm bảo an ninh - quốc phòng. Ngoài ra, huyện hỗ trợ đối ứng 50% tổng mức đầu tư trụ sở làm việc của Ban CHQS huyện. Qua đó, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo quốc phòng, an ninh, tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

### ***14. Phát triển đô thị***

Thực hiện xong việc lập Đồ án quy hoạch chung đô thị huyện đến năm 2035, được UBND tỉnh phê duyệt tháng 9/2019 và huyện Việt Yên đang tập trung đầu tư các công trình nhằm hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại IV. Do đó, huyện tăng cường huy động nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư hệ thống đô thị với 9 dự án khu

---

<sup>38</sup> Trong đó nguồn vốn từ ngân sách nhà nước 83 tỷ đồng, nguồn xã hội hóa 38 tỷ đồng

đô thị, khu dân cư đã giao chủ đầu tư, tổng số vốn đầu tư của các dự án 2023,34 tỷ đồng, trong đó 03 dự án đang thi công hạ tầng kỹ thuật<sup>39</sup>; 02 dự án đang thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng<sup>40</sup>; 01 dự án đang thực hiện quy trình dự án; 03 dự án đang thực hiện việc xin chấp thuận đầu tư. Tổng quy mô các khu giao chủ đầu tư là 202,17ha, tổng diện tích đã GPMB 66,72ha, chiếm 35%.

## **V. Công tác nội chính; đối ngoại**

### **1. Công tác tư pháp, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và thi hành án dân sự**

Công tác tư pháp được quan tâm; đã thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật có chuyển biến tích cực; hoạt động trợ giúp pháp lý được tăng cường. Ngành Tư pháp huyện đã chủ động phối hợp với Sở Tư pháp tổ chức nhiều đợt trợ giúp pháp lý lưu động mang lại hiệu quả thiết thực.

Công tác thi hành án dân sự được chú trọng, hiệu quả được nâng lên; tỷ lệ số việc đã giải quyết xong số việc có điều kiện thi hành bình quân đạt gần 80%, qua đó bảo đảm hiệu lực cho bản án, quyết định của tòa án nhân dân các cấp được thi hành trên thực tế, bảo vệ được lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và công dân, tạo được sự đồng thuận, niềm tin của nhân dân.

### **2. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền**

Công tác cải cách hành chính được thực hiện nghiêm túc theo 6 trục nội dung. Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện và cấp xã; đến nay, 100% bộ phận một cửa cấp xã được bố trí theo mô hình kiểu mẫu. Chất lượng giải quyết TTHC được nâng lên, tỷ lệ hồ sơ được giải quyết xong trước hạn và đúng hạn khá cao<sup>41</sup>. Chỉ số cải cách hành chính của huyện năm sau luôn cao hơn năm trước, năm 2019 đứng đầu các huyện, thành phố<sup>42</sup>. Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước không ngừng được nâng cao; năm 2019 dẫn đầu đơn vị cấp huyện. Kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan nhà nước được chú trọng và có chuyển biến; trong 4 năm 2016-2019 đã tổ chức kiểm tra đột xuất trong thực thi công vụ đối với trên 300 lượt và kiểm tra chuyên đề cải cách hành chính 130 lượt cơ quan, đơn vị, xã, thị trấn.

Về tổ chức bộ máy, công chức, viên chức: Đã rà soát, sắp xếp lại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, thôn, khu phố trên địa bàn huyện theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. Đến nay đã tiến hành sáp nhập 4 đơn vị hành chính cấp xã thành 2 đơn vị hành chính cấp xã; sáp nhập 6 đơn vị sự nghiệp thuộc huyện thành 3 đơn vị sự nghiệp; sáp nhập 36 trường học thành 18 trường học; sáp nhập 41

<sup>39</sup> Dự án: Khu 4, khu dân cư thị trấn Bích Động và Dự án Khu B, khu đô thị Đình Trám- Sen Hồ; Khu dân cư thương mại chợ mới, thị trấn Bích Động

<sup>40</sup> Khu dân cư số 6, xã Hồng Thái; khu dân cư Đại Phúc xã Tăng Tiến

<sup>41</sup> Năm 2016 đạt 98%, năm 2017 đạt 99%, năm 2018 đạt 99,6%, năm 2019 đạt 99,65%.

<sup>42</sup> Năm 2015 xếp thứ 6/10 huyện, thành phố, năm 2016 xếp thứ 4/10, năm 2017, 2018 xếp thứ 2/10.

thôn thành 15 thôn<sup>43</sup>. Thực hiện nghiêm túc việc quản lý, bố trí sắp xếp, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của huyện theo thẩm quyền; việc chuyển xếp lương, bổ nhiệm, điều động, nâng ngạch, nâng lương được thực hiện đầy đủ kịp thời đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức, viên chức. Ý thức phục vụ nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức được nâng cao. Triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm gắn với thực hiện lộ trình tinh giản biên chế. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức được đổi mới theo hướng bồi dưỡng từ thường xuyên sang bồi dưỡng theo chức danh và vị trí việc làm.

Công tác chỉ đạo điều hành của các cơ quan nhà nước có chuyên biế tích cực. Đã triển khai hiệu quả một số phần việc thuộc hệ thống chính quyền điện tử và một số phần mềm: Phần mềm quản lý văn bản điện tử gắn với chữ ký số; phần mềm một cửa điện tử; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến. Hoạt động quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2008 trong cơ quan hành chính nhà nước được duy trì và đang thực hiện chuyển sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001: 2015.

### **3. Quốc phòng, an ninh**

Công tác quốc phòng - quân sự địa phương được chú trọng; giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh được tăng cường. Công tác tuyển quân, tuyển sinh, huấn luyện sẵn sàng chiến đấu, chính sách hậu phương quân đội được thực hiện tốt, hằng năm hoàn thành chỉ tiêu đề ra. Các cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện, diễn tập chiến đấu trị an cấp xã được thực hiện thường xuyên, nâng cao chất lượng, góp phần đảm bảo trình độ tổ chức chỉ huy, sẵn sàng chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ. Kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ củng cố quốc phòng với đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội. Tiếp tục xây dựng địa phương thành khu vực phòng thủ vững chắc; xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững mạnh. Tỷ lệ dân quân tự vệ đạt 1,3% dân số.

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông; quản lý hoạt động xuất nhập cảnh, quản lý cư trú; quản lý người nước ngoài đến lao động trong các doanh nghiệp được quan tâm. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật nhà nước; bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm được chú trọng và thực hiện đạt kết quả tốt. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy, mua bán người. Tăng cường trấn áp, xử lý các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; an ninh nông thôn cơ bản ổn định<sup>44</sup>. Là một

---

<sup>43</sup> Từ năm 2016 đến nay đã sắp xếp tinh gọn, giảm 142 đơn vị, giúp hoạt động hiệu quả hơn, đồng thực hiện giảm 1.084 biên chế sự nghiệp so với biên chế được giao năm 2015 theo lộ trình. Triển khai sắp xếp các Ban chỉ đạo, hội đồng tư vấn, kết quả đã giảm từ 137 đầu mối xuống 48 đầu mối. Đã tuyển dụng 372 giáo viên, 12 công chức, 2 viên chức; cử đi đào tạo cho 1.041 lượt công chức, viên chức; nâng bậc lương thường xuyên cho 1.229 người, nâng bậc lương trước thời hạn cho 1.000 người, nâng phụ cấp thâm niên cho 5.213 người; thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với 69 người; tinh giản biên chế được 128 trường hợp.

<sup>44</sup> Trong giai đoạn, trên địa bàn huyện xảy ra 385 vụ phạm pháp hình sự, trong đó: Trọng án 09 vụ, bằng 19,1% so với cùng kỳ 2011-2015; thường án 376 vụ, bằng 100,82% so với cùng kỳ 2011-2015. Công an huyện đã tập trung điều tra, làm rõ 09/9 vụ trọng án đạt 100%; 327/376 vụ đạt 86,97%, bắt 476 đối tượng phạm pháp hình sự, triệt phá 40 ổ nhóm tội phạm bắt 103 đối tượng (cướp, cướp giật, cưỡng đoạt tài sản và cố ý gây thương tích...); bắt truy nã: 40 đối tượng; bắt 133 vụ, 709 đối tượng đánh bạc thu giữ 568.862.000 đồng; bắt 08 vụ 21 đối tượng hoạt động mại dâm. Cơ quan điều tra đã thụ lý tổng số 631 vụ án, 1.035 bị can; bắt, vận động đầu thú 803 đối tượng. Điều tra làm rõ và khởi tố 09 vụ, 14 bị can vi phạm các quy định về trật tự quản lý kinh tế và chức vụ như: Tham ô tài sản, làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, cố ý làm trái quy định của nhà nước, buôn bán hàng giả, hàng kém... Phối hợp kiểm tra, phát hiện xử lý 186 vụ buôn lậu, gian lận thương mại và vi



trong những đơn vị triển khai và hoàn thành sớm việc việc điều động công an chính quy đảm nhiệm chức danh công an xã tại các xã, thị trấn theo Đề án.

Đã chỉ đạo lực lượng chức năng đấu tranh, triệt phá, xử lý nghiêm minh các ô nhóm tàng trữ, mua bán, chứa chấp, sử dụng ma túy. Tăng cường biện pháp quản lý, giáo dục đối tượng nghiện hút; tổ chức cai nghiện tại cộng đồng, chống tái nghiện; đã bắt giữ 76 vụ, 167 đối tượng mua bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy, khởi tố 63 vụ, 70 bị can, xử phạt hành chính 13 vụ, 97 đối tượng. Lập hồ sơ đưa 28 đối tượng đi cai nghiện bắt buộc, 52 hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục ý thức chấp hành Luật giao thông cho người dân; chỉ đạo quyết liệt các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông; xử lý nghiêm các vi phạm; ra quân đồng loạt kiểm soát tải trọng xe <sup>45</sup>.

#### **4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo; đấu tranh phòng, chống tham nhũng**

##### **4.1. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo (KNTC)**

Công tác tiếp dân, giải quyết KNTC được tập trung chỉ đạo; có sự vào cuộc tích cực của Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội nên có bước chuyển biến rõ rệt. Công tác tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư được duy trì, thực hiện nghiêm túc; hầu hết các vụ việc KNTC đã được tập trung xem xét, giải quyết ngay từ khi mới phát sinh. Đã chỉ đạo tăng cường trách nhiệm của Chủ tịch UBND cấp xã và thủ trưởng cơ quan thuộc UBND huyện, đội ngũ cán bộ làm công tác tiếp công dân; thành lập Tổ công tác rà soát, giải quyết các vụ việc kéo dài, đông người, phức tạp. Trong 5 năm, toàn huyện tiếp 6.313 lượt người đến KNTC, phản ánh, kiến nghị 3.553 vụ việc, tăng 2.220 lượt người và 1.060 vụ việc so với giai đoạn 2011-2015 <sup>46</sup>. Tổng số đơn giải quyết KNTC đã tiếp nhận trong 05 năm là 1.889; đơn đủ điều kiện xử lý phải giải quyết là 1.141 đơn (kiến nghị 89; tố cáo 77; kiến nghị và phản ánh là 975) tăng 64 đơn so với giai đoạn 2011-2015, tỷ lệ giải quyết đơn hàng năm đều đạt trên 90%. Đơn không đủ điều kiện xử là 748 đơn.

##### **4.2. Công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

Tập trung chấn chỉnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra. Kế hoạch thanh tra hàng năm đã được xây dựng có trọng tâm, trọng điểm. Từ năm 2016 đến nay, toàn huyện đã triển khai 24 cuộc thanh tra hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước, quản lý kinh tế tại 30 lượt đơn vị; 04 cuộc thanh tra trách nhiệm PCTN. Qua thanh tra phát hiện sai phạm với tổng số tiền 5.840,1 triệu đồng, 6.310 m<sup>2</sup> đất; thu hồi 2.397,1 triệu đồng và 02 GCN QSD đất; loại khỏi giá trị quyết toán và xử lý bằng các biện pháp tài chính khác 3.443 triệu đồng; xử lý hành chính đối với 02 tập thể, 51 cá nhân có các hành vi sai phạm bị phát hiện qua thanh

---

phạm các quy định về bảo vệ môi trường, xử phạt hành chính 2.256.475.000 đồng, tịch thu tài sản trị giá trên 2,5 tỷ đồng; xử lý 137 vụ việc vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm... tổng số tiền 635.850.000 đồng...

<sup>45</sup> Trong giai đoạn, phát hiện xử lý 22.508 trường hợp vi phạm, bằng 53,22% so với cùng kỳ 2011-2015, tạm giữ 4.728 phương tiện, bằng 150% so với cùng kỳ 2011-2015, tước 1.070 giấy phép lái xe, bằng 52% so với cùng kỳ 2011-2015, ra quyết định XPHC 19.346.376.000 đồng. Đã đăng ký mới 16.951 phương tiện, bằng 83,7% so với cùng kỳ 2011-2015, trong đó 11.277 xe mô tô, 4.762 xe máy điện và 2.011 xe máy có dung tích dưới 50cm<sup>3</sup>.

<sup>46</sup> Trong đó, Chủ tịch UBND huyện đã tiếp 987 lượt người với 549 vụ việc, Ban tiếp dân huyện tiếp 1.023 lượt người với 714 vụ việc; Chủ tịch UBND xã và các phòng ban tiếp 4.303 lượt người KN, PA 2.290 vụ việc

tra. Chuyển kiến nghị cơ quan điều tra 04 vụ việc với 04 đối tượng có sai phạm phát hiện qua thanh tra để xem xét, chuyển cơ quan điều tra.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo bằng kế hoạch thực hiện cụ thể<sup>47</sup>, gắn kết chặt chẽ với nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; có sự giám sát của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể. Đã tập trung thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa thông qua thực hiện tốt quy chế dân chủ, công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Hằng năm, cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt danh sách cán bộ, công chức có nghĩa vụ kê khai tài sản thu nhập; trên cơ sở đó 100% các cơ quan, đơn vị và các cá nhân tổ chức kê khai tài sản và công khai bản kê khai tài sản theo quy định. Thực hiện tốt việc sắp xếp, bố trí, điều động, luân chuyển, biệt phái đội ngũ cán bộ công chức, viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn, chức danh.

## **B. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN**

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 vẫn còn tồn tại, hạn chế, cụ thể từng lĩnh vực như sau:

1. Tăng trưởng GTSX thiếu bền vững. Công nghiệp phụ trợ chưa phát triển; liên kết giữa các doanh nghiệp FDI trong KCN và doanh nghiệp địa phương trong liên kết tham gia chuỗi giá trị, chuyển giao công nghệ còn hạn chế. Tăng trưởng khu vực dịch vụ không đạt kế hoạch, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của địa phương và chưa theo kịp tốc độ phát triển công nghiệp; hạ tầng dịch vụ thiếu. Nông nghiệp phát triển chưa bền vững; chất lượng nông sản và khả năng cạnh tranh chưa cao. Chất lượng các xã đạt chuẩn nông thôn mới chưa bền vững.

2. Kết cấu hạ tầng tuy được cải thiện nhiều song còn thiếu đồng bộ. Tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN, CCN chậm. Quy mô các đô thị còn nhỏ; hạ tầng kỹ thuật thiếu đồng bộ, thiếu hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, hạ tầng điện chưa được ngầm hóa; tỷ lệ đô thị hóa thấp. Nhiều khu dân cư, đô thị được đầu tư song chưa phát huy được hiệu quả. Tỷ lệ lấp đầy các khu đô thị còn thấp.

3. Môi trường đầu tư chưa thực sự thông thoáng, hấp dẫn. Chưa thu hút được nhiều dự án ngoài KCN và đầu tư vào nông nghiệp; các doanh nghiệp chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh, quy mô vốn thấp. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã còn nhiều khó khăn. Việc thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các dự án đã được chấp thuận đầu tư còn gặp nhiều khó khăn.

4. Công tác xây dựng, quản lý nhà nước về quy hoạch còn hạn chế. Một số địa phương còn buông lỏng quản lý đất công ích; chưa chú trọng đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa, đo đạc bản đồ. Hoạt động khai thác đất san lấp trái phép còn diễn ra. Môi trường nông thôn tuy có cải thiện, nhưng chậm được khắc phục, nhất là rác thải sinh hoạt; ý thức của người dân

---

<sup>47</sup> Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 10/3/2016; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 17/3/2017; Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 01/02/2018; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 21/1/2019 và Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 10/5/2019 về thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, đấu tranh chống tham nhũng; Kế hoạch số 34/KH-UBND ngày 12/02/2020 về triển khai công tác PCTN năm 2020.

ở một số nơi còn hạn chế, tình trạng vứt rác thải, xác động vật chết ra kênh, mương, sông, đường giao thông gây mất mỹ quan và ô nhiễm còn diễn ra. Hệ thống thoát nước thải của thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh vẫn chung với hệ thống thoát nước mưa. Các nghĩa trang trong huyện cơ bản chưa đảm bảo khoảng cách cách ly vệ sinh, chưa đầu tư hạ tầng kỹ thuật (đường nội bộ, điện, nước và hệ thống cây xanh, hệ thống xử lý môi trường).

5. Chất lượng giáo dục toàn diện chưa thật sự vững chắc; còn hiện tượng thừa, thiếu giáo viên cục bộ ở một số trường trên địa bàn; hiện tượng dạy thêm, học thêm, thu chi không đúng quy định vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Hệ thống cơ sở y tế chưa đồng bộ, hiện đại, nhất là cấp huyện; y tế tuyến cơ sở xã chưa thể hiện được vai trò nền tảng. Việc đăng ký và công nhận các danh hiệu văn hóa chất lượng chưa cao, chưa có sức lan tỏa trong cộng đồng; công tác quản lý, kiểm tra tu bổ, tôn tạo di tích còn chưa chặt chẽ; công tác quản lý, tổ chức lễ hội ở một số địa phương vẫn còn một số tồn tại chậm được khắc phục.

6. Công tác quản lý nhà nước về lao động, đặc biệt là lao động nước ngoài chưa chặt chẽ. Tình trạng nợ BHXH, BHYT của một số doanh nghiệp chậm được khắc phục. Đời sống của một bộ phận nhân dân nông thôn còn khó khăn.

7. Hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền trên một số lĩnh vực còn hạn chế, việc thực hiện thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực như: Đất đai, môi trường, xây dựng vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Công tác triển khai, thực thi pháp luật ở cấp cơ sở còn hạn chế. Chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa chưa đồng đều. Công tác phổ biến giáo dục pháp luật hiệu quả chưa cao.

8. Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” chưa thu hút được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Tội phạm, tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy còn diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây mất an ninh, trật tự, nhất là tại các xã xung quanh KCN. Xe quá khổ, quá tải, tai nạn giao thông, khai thác đất san lấp trái phép còn xảy ra, có thời điểm gây bức xúc trong nhân dân. Công tác quản lý lực lượng và chất lượng huấn luyện dân quân tự vệ ở một số xã, thị trấn còn hạn chế; công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ ở một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn. Tình hình khiếu kiện của công dân vẫn diễn biến phức tạp, công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư KNTC tại một số xã chưa được quan tâm; chất lượng giải quyết một số vụ việc còn hạn chế, có tình trạng né tránh, đùn đẩy, không giải quyết triệt để các kiến nghị, thắc mắc của người dân, dẫn đến số đơn thư tồn đọng, kéo dài, khiếu kiện vượt cấp. Thực hiện quyết định, kết luận giải quyết đơn, kết luận sau thanh tra còn chậm.

## **II. Nguyên nhân**

### ***1. Nguyên nhân khách quan***

Là huyện trọng điểm phát triển công nghiệp nên dân số cơ học lớn, đặc biệt là những năm gần đây gây nhiều khó khăn cho công tác quản lý nhà nước. Tình hình dịch bệnh trong chăn nuôi đã ảnh hưởng lớn đến tăng trưởng ngành nông nghiệp.

Thực hiện chủ trương tinh giảm biên chế trong điều kiện phát triển công nghiệp, đô thị với khối lượng công việc ngày càng lớn nên bị thiếu hụt nhân sự để giải quyết công việc, đặc biệt ở các lĩnh vực: đất đai, đầu tư, xây dựng,....

Hệ thống các quy định pháp luật chưa đồng bộ, thường xuyên thay đổi, nhất là các lĩnh vực: xây dựng cơ bản, đất đai....gây khó khăn, lúng túng nhất định cho các cơ quan quản lý nhà nước trong quá trình triển khai thực hiện.

Ý thức chấp hành pháp luật, nhất là về đầu tư, lao động, BHXH, xây dựng, môi trường,... của một số doanh nghiệp, người lao động chưa cao. Mặt trái của kinh tế thị trường đã gây ra những tệ nạn xã hội song chưa thể khắc phục ngay.

## **2. Nguyên nhân chủ quan**

Sự phối hợp của một số cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý nhà nước chưa chặt chẽ, sự phối hợp trong thực hiện nhiệm vụ chưa tốt, trách nhiệm chưa cao. Công tác quản lý, điều hành của một số cơ quan có biểu hiện trì trệ; tổ chức thực hiện và tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trên một số lĩnh vực chưa kịp thời.

Một số ngành, địa phương nhận thức chưa đầy đủ trách nhiệm, không chủ động đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Một bộ phận cán bộ công chức năng lực và trình độ chuyên môn yếu, một số còn có thái độ quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu,... làm giảm lòng tin đối với doanh nghiệp và nhân dân.

Nguồn lực dành cho đầu tư kết cấu hạ tầng gặp nhiều khó khăn, chủ yếu từ nguồn tài chính đất đai nên phải đầu tư từng bước, dẫn đến không đồng bộ.

Ý thức vươn lên trong công tác của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn hạn chế. Sự tham gia của người dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trên một số lĩnh vực hiệu quả chưa cao.

## **Phần thứ hai KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **A. DỰ BÁO TÌNH HÌNH**

#### **I. Thuận lợi, khó khăn**

##### **1. Thuận lợi**

Vị trí địa kinh tế của Việt Yên sẽ tiếp tục xác lập là huyện trọng điểm phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ của tỉnh; là động lực phát triển vùng phía Tây Nam và cửa ngõ liên kết tỉnh Bắc Giang với Vùng Thủ đô nên có nhiều cơ hội phát triển. Do đó, sẽ nhận được nhiều hơn sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và các ngành của tỉnh trong quá trình phát triển.

Thành quả phát triển 5 năm qua là nền tảng tốt, củng cố niềm tin, khí thế thi đua trong nhân dân và toàn hệ thống chính trị địa phương để toàn huyện tiếp tục phát huy kinh nghiệm, lợi thế cho giai đoạn tới.

## **2. Khó khăn**

Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế (giao thông, KCN, CCN, logistics).

Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét, tập quán sản xuất còn lạc hậu, hiệu quả liên kết trong sản xuất nông nghiệp chưa cao, là những cản trở cơ bản đối với chuyển đổi và phát triển kinh tế nông nghiệp.

Nguồn lực (tài chính và nhân lực) của huyện chưa mạnh; thu ngân sách nhà nước còn dựa nhiều vào thu từ tiền sử dụng đất; huy động vốn đầu tư từ các khu vực ngoài nhà nước gặp nhiều khó khăn.

Tư duy quản lý của bộ máy nhà nước chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong điều kiện hội nhập. Chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; tỷ lệ lao động qua đào tạo của huyện đến năm 2020 là 70%, phần lớn là đào tạo ngắn hạn nên sẽ thiếu nhân lực trình độ cao trong các giai đoạn tiếp theo.

Tình hình an ninh, trật tự, khiếu nại, tố cáo tiềm ẩn nhiều phức tạp. Dịch bệnh Covid – 19 sẽ tác động rất lớn đến nước ta nói chung và Việt Yên nói riêng.

## **II. Mục tiêu giai đoạn 2021-2025**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tiếp tục phát huy tiềm năng, lợi thế để phát triển toàn diện địa phương, khẳng định vững chắc vị thế trung tâm phát triển kinh tế, huyện trọng điểm phát triển công nghiệp của tỉnh. Dịch vụ phát triển đa dạng. Nông nghiệp phát triển ổn định theo hướng an toàn, chất lượng. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đầu tư đồng bộ, hiện đại, trọng tâm là hạ tầng giao thông, KCN và đô thị. Phát triển mạnh nguồn nhân lực chất lượng cao. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của tỉnh; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân được nâng lên; môi trường sống được cải thiện. Quốc phòng, an ninh được củng cố, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển và cuộc sống an toàn của nhân dân. Đến năm 2022, huyện Việt Yên đạt tiêu chí đô thị loại IV; đến năm 2025, tiệm cận các tiêu chí trở thành thị xã.

### **2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025**

(1) Tốc độ tăng trưởng GTSX (bao gồm cả KCN trên địa bàn) bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 23-24%/năm. Trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 23-24%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,4%-1,5%/năm; dịch vụ đạt 11%-12%/năm (*nếu không bao gồm KCN thì bình quân giai đoạn 2021-2025 đạt 14-15%; trong đó, công nghiệp - xây dựng đạt 17-18%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 1,4-1,5%/năm; dịch vụ đạt 11-12%/năm*).

(2) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính thu tiền sử dụng đất) mỗi năm tăng 13%-14% so với năm trước; thu tiền sử dụng đất đạt trên 7.800 tỷ đồng.

(3) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 73.261 tỷ đồng.

(4) GTSX trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 138 triệu đồng.

(5) Số xã nông thôn mới kiểu mẫu: ít nhất 6 xã; số xã nông thôn mới nâng cao: ít nhất 12 xã; số thôn nông thôn mới kiểu mẫu: mỗi năm ít nhất 5 thôn.

(6) Số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 100%; mức độ 2 đạt 30%. Tỷ lệ kiên cố hóa trường lớp học 100%.

(7) Duy trì 100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ bao phủ BHYT toàn dân đạt 100%. Đến năm 2025, số giường bệnh/vạn dân 30,2% (không tính trạm y tế cấp xã).

(8) Đến năm 2025, tỷ lệ thôn, khu phố đạt danh hiệu văn hóa tối thiểu 80%; tỷ lệ xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới đạt 100%; thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 100%; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp văn hóa đạt từ 85-90%.

(9) Hàng năm, số hộ nghèo giảm bình quân tối thiểu 10%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế 85%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có chứng chỉ 40%; tạo việc làm tăng thêm bình quân mỗi năm hơn 3000 nghìn lao động.

(10) Đến năm 2025, tỷ lệ dân số thành thị được cấp nước sạch đạt trên 60%; nông thôn được cấp nước hợp vệ sinh đạt trên 99%. Triển khai xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đô thị.

(11) Đến năm 2025, tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại đô thị năm 2025 đạt 100%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn tại nông thôn năm 2025 đạt 91,5%, tỷ lệ thu gom được xử lý đạt 91,66%.

(12). Đến năm 2025, tỷ lệ dân số đô thị toàn huyện đạt trên 40%.

## **B. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

### **I. Về phát triển kinh tế**

#### **1. Phát triển sản xuất công nghiệp, xây dựng**

- Duy trì tốc độ tăng trưởng công nghiệp ở mức cao, theo hướng bền vững, để công nghiệp tiếp tục là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế, đưa Việt Yên tiếp tục giữ vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp của tỉnh.

- Tập trung GPMB, đầu tư hạ tầng kết nối, hỗ trợ nhà đầu tư hạ tầng triển khai các KCN, CCN đã được chấp thuận đầu tư hoặc cho phép khảo sát lập quy hoạch: KCN tại xã Tăng Tiến (197 ha), KCN - đô thị - dịch vụ Hòa Yên 128ha/430ha, KCN - đô thị - dịch vụ Bích Sơn - Tụ Lạn - Trung Sơn 224 ha, CCN Việt Tiến, CCN Hoàng Mai.

Chuẩn bị các điều kiện, phối hợp khảo sát, đề nghị bổ sung quy hoạch KCN, CCN trong giai đoạn đến năm 2021-2030 (để thu hút nhà đầu tư hạ tầng trong giai đoạn 2021-2025) và giai đoạn sau năm 2030 (có danh sách kèm theo).

### Quy hoạch các KCN huyện Việt Yên đến năm 2030

STT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích KCN hiện có (ha)	Diện tích QH GD 2020-2030	Diện tích các KCN đến năm 2030
<b>I</b>	<b>Các KCN đã có</b>		<b>803</b>	<b>37,5</b>	<b>988,5</b>
1	KCN Quang Châu	Xã Quang Châu, huyện Việt Yên	426		426,00
2	KCN Vân Trung	Xã Vân Trung, huyện Việt Yên và xã Nội Hoàng, huyện Yên Dũng	200/351		237,5
	Sáp nhập với CCN Tăng Tiến			37,5	
3	KCN Đình Trám	Xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên	127		127
4	KCN Việt Hàn	Xã Tăng Tiến và xã Hồng Thái, huyện Việt Yên	50		198
	Mở rộng			148	
<b>II</b>	<b>Các KCN quy hoạch mới đến năm 2030</b>			<b>1.276</b>	<b>1.276</b>
1	KCN-Đô thị-Dịch vụ Hòa Yên (439 ha)	Xã Đông Lỗ, huyện Hiệp Hòa và xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn, huyện Việt Yên		128	128
2	KCN Quang Châu 2	Xã Quang Châu, xã Vân Trung huyện Việt Yên		230	230
3	KCN Tiên Sơn - Ninh Sơn (Mở rộng CCN Trung Sơn – Ninh Sơn)	Xã Tiên Sơn, xã Ninh Sơn, huyện Việt Yên		378	378
4	KCN Minh Đức-Thượng Lan-Ngọc Thiện (502 ha).	Xã Minh Đức, xã Thượng Lan, huyện Việt Yên và xã Ngọc Thiện, huyện Tân Yên		240	240
5	KCN Thượng Lan	Xã Thượng Lan, huyện Việt Yên		185	185
6	KCN Song Mai-Nghĩa Trung (205 ha)	Xã Song Mai thành phố Bắc Giang, xã Nghĩa Trung huyện Việt Yên		115	115
	<b>Tổng cộng</b>				<b>2.264,5</b>

**Quy hoạch các KCN huyện Việt Yên giai đoạn 2031- 2050**

<b>STT</b>	<b>Tên khu công nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích QH GD 2031-2050 (ha)</b>
1	KCN- Đô thị - Dịch vụ Tụ Lạn - Bích Sơn - Trung Sơn	Xã Trung Sơn, xã Bích Sơn, xã Tụ Lạn, huyện Việt Yên	224
2	KCN Ngọc Lý-Minh Đức ( <i>Đất của Tân Yên 40ha</i> )	Xã Ngọc Lý huyện Tân Yên, xã Minh Đức huyện Việt Yên	150
	<b>Tổng cộng</b>		<b>374</b>



**Quy hoạch các CCN trên địa bàn huyện Việt Yên đến năm 2030**

<b>STT</b>	<b>Tên cụm công nghiệp</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Diện tích CCN hiện có (ha)</b>	<b>Diện tích QH thêm GD 2020-2030</b>	<b>Diện tích CCN đến năm 2030</b>	<b>Diện tích QH GD 2031-2050</b>
	<b>TỔNG SỐ</b>				<b>442,6</b>	<b>442,6</b>
<b>I</b>	<b>CCN đã thành lập giữ nguyên diện tích</b>		<b>49,4</b>		<b>132,3</b>	<b>132,3</b>
1	CCN Làng nghề Vân Hà	Xã Vân Hà, huyện Việt Yên	2,3		2,3	2,3
<b>II</b>	<b>CCN mở rộng diện tích</b>					
2	CCN Hoàng Mai	TT Nénh, huyện Việt Yên	17,4	42,6	60,0	60,0
3	CCN Việt Tiến	Xã Việt Tiến, huyện Việt Yên	29,7	45,3	75,0	75,0
<b>III</b>	<b>CCN quy hoạch mới GD 2020-2030</b>			<b>310,3</b>	<b>310,3</b>	<b>310,3</b>
4	CCN Tiên Sơn	Xã Tiên Sơn, xã Trung Sơn huyện Việt Yên		75	75	75
5	CCN Nghĩa Trung	Xã Nghĩa Trung, huyện Việt Yên		75	75	75
6	CCN Minh Đức	Xã Minh Đức, huyện Việt Yên		75	75	75
7	CCN Tân Mỹ - Hồng Thái (40 ha)	Xã Tân Mỹ, TP Bắc Giang và xã Hồng Thái, huyện Việt Yên		28	28	28
8	CCN Trung Sơn-Ninh Sơn.	Xã Tiên Sơn, xã Ninh Sơn huyện Việt Yên		75	75	75

Ghi chú: CCN Tăng Tiến sáp nhập vào KCN Vân Trung. Diện tích CCN Trung Sơn – Ninh Sơn đã tính vào KCN Tiên Sơn – Ninh Sơn.

Đôn đốc nhà đầu tư CCN xây dựng hạ tầng, thu hút đầu tư lấp đầy, xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thực hiện chọn lọc khi tham gia ý kiến đối với dự án vào các CCN; không chấp thuận các dự án có công nghệ thấp, lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Thu hút các dự án sản xuất có công nghệ hiện đại, sử dụng tiết kiệm đất, có khả năng đóng góp nhiều cho ngân sách. Ưu tiên các ngành công nghiệp: Cơ khí chế tạo, điện tử, phụ trợ khác.

- Định hướng phát triển một số ngành, sản phẩm công nghiệp chủ lực sau:

+ Ngành công nghiệp điện tử: Đây là ngành công nghiệp chủ lực của khu công nghiệp thuộc huyện, cần ưu tiên phát triển có chiều sâu để cung cấp linh kiện cho các doanh nghiệp lắp ráp và các tập đoàn đa quốc gia trong khu vực và cả nước, hướng tới mục tiêu xuất khẩu và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với các sản phẩm gồm: máy tính và các thiết bị ngoại vi, linh kiện bán dẫn, linh kiện điện tử các loại cho các thiết bị điện tử gia dụng, điện thoại di động... Từng bước nâng cao tiềm lực công nghệ để chuyển từ gia công lắp ráp sang thiết kế, tự sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh sau năm 2020.

+ Ngành công nghiệp may mặc: Phát triển may mặc theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm. Thu hút các dự án đầu tư ngành may mặc vào khu vực nông thôn, các địa bàn có lợi thế về lao động để giải quyết việc làm và chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ. Phát triển sản xuất công nghiệp phụ trợ cho ngành dệt và may mặc tại các khu, cụm công nghiệp để tạo ra chuỗi giá trị trong sản xuất và bảo đảm vấn đề môi trường và từng bước khắc phục tình trạng phụ thuộc nguyên, phụ liệu nhập khẩu. Tăng cường đầu tư chiều sâu, tham gia vào các công đoạn thiết kế mẫu mã, tiếp thị, tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị tăng thêm trong sản phẩm và giảm dần tỷ lệ gia công.

+ Công nghiệp hỗ trợ: Phát triển một số ngành công nghiệp hỗ trợ chính như: linh kiện, phụ tùng, công nghiệp hỗ trợ dệt may - da giày, công nghiệp hỗ trợ cho công nghiệp công nghệ cao. Hình thành mạng lưới sản xuất nội địa với nhiều lớp cung ứng gồm các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế về quản lý sản xuất và chất lượng sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ. Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ đáp ứng nhu cầu nội địa với công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường.

## ***2. Phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản và xây dựng nông thôn mới***

- Rà soát, quy hoạch các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp.

+ Duy trì 17 vùng chuyên canh lúa 1.891 ha gồm các xứ đồng sau:

<b>STT</b>	<b>Tên vùng tập trung</b>	<b>Quy mô (ha)</b>	<b>Địa điểm xứ đồng, thôn, xã/ thị trấn</b>
1	Thôn Hạ Lát, Thượng Lát, Kim Sơn Xã Tiên Sơn	60	Xã Tiên Sơn
2	Thôn Yên Viên Xã Vân Hà	70	Xã Vân Hà
3	Thôn Đình Sơn, Dương Huy (Trung Sơn), Khả Lý Thượng (Quảng Minh)	172	Xã Trung Sơn
4	Thôn Mai Thượng, Mai Hạ, Xuân Hòa, Xuân Minh, Tam Hợp - xã Hương Mai	160	Xã Hương Mai

STT	Tên vùng tập trung	Quy mô (ha)	Địa điểm xứ đồng, thôn, xã/ thị trấn
5	Thôn Đồng, Nguyễn xã Trung Sơn	75	Xã Trung Sơn
6	Đồng Mối xã Hương Mai, thôn Rãnh	200	Xã Hương Mai
7	Khu Ngoài Xã Nghĩa Trung	155	Xã Nghĩa Trung
8	Khu Trong Xã Nghĩa Trung	140	Xã Nghĩa Trung
9	Ngân Đài xã Minh Đức	88	Xã Minh Đức
10	Thôn Cầu Treo, Hậu, Bình Minh, Rèn xã Minh Đức	62	Xã Minh Đức
11	Thôn Chùa, Thiết Nham xã Minh Đức	176	Xã Minh Đức
12	Thôn Đâu, Cầu xã Tự Lạn	107	Xã Tự Lạn
13	Thôn Nguộn, Râm xã Tự Lạn	116	Xã Tự Lạn
14	Thôn Núi, thôn Ba Việt Tiến	60	Xã Việt Tiến
15	Thôn Chàng Xã Việt Tiến	111	Xã Việt Tiến
16	Thôn Hạ, thôn Bói Thượng Lan	51	Xã Thượng Lan
17	Khả Lý xã Quảng Minh	88	xã Quảng Minh
	<b>17 vùng</b>	<b>1.891</b>	

+ Cây rau thực phẩm: Chủ yếu trồng tại các vùng thượng huyện và trung tâm huyện. Đưa hệ số sử dụng đất lên 2,5-3 lần, tăng diện tích rau vụ Đông và tăng vụ trên đất khác. Gồm tất cả các giống rau, củ, quả năng suất chất lượng cao. Sản xuất rau đảm bảo an toàn thực phẩm, xây dựng các mô hình sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, sản xuất theo quy trình VietGAP, hữu cơ. Trong đó, duy trì 11 vùng chuyên canh cây thực phẩm khoảng 356ha.

STT	Tên vùng tập trung	Tên sản phẩm	Quy mô (ha)
1	Xã Việt Tiến	Rau các loại	35
2	Xã Thượng Lan	Rau các loại	40
3	Xã Hương Mai	Rau các loại	45
4	Xã Nghĩa Trung	Rau các loại	45
5	Xã Minh Đức	Rau các loại	35
6	Thị trấn Bích Động	Rau các loại	25
7	Xã Tự Lạn	Rau các loại	37
8	Xã Trung Sơn	Rau các loại	22
9	Xã Quảng Minh	Rau các loại	23
10	Thị trấn Nếnh	Rau các loại	17
11	Xã Ninh Sơn	Rau các loại	32
	<b>Tổng 11 vùng</b>		<b>356</b>

Trong đó, trọng tâm là xã Thượng Lan khoảng 80 ha (các thôn: Ruồng 20 ha, Nguộn 20 ha, Kim Sơn 20 ha, Thượng 20 ha); tại xã Tự Lạn khoảng 20 ha (các thôn: Đông, Râm); tại xã Trung Sơn khoảng 20 ha (thôn Minh Sơn); tại xã Nghĩa Trung khoảng 40 ha (các thôn: Trung Nghĩa 20 ha, Tĩnh Lộc 20 ha); tại xã Minh Đức khoảng 60ha (các thôn: Mỏ Thổ 20 ha, Ngân Đài 20 ha, Thiết Nham + Chùa 20 ha).

+ Mở rộng diện tích ngô hiện tại 300ha bằng cách tăng diện tích vụ Đông trên toàn huyện, tập trung ở các xã Quảng Minh, Tụ Lạn, Tiên Sơn, Thượng Lan, Trung Sơn; Hương Mai; Minh Đức; Nghĩa Trung; Việt Tiến.

+ Cây khoai tây: Tăng diện tích cây vụ Đông trên toàn huyện; vùng sản xuất chính trọng điểm là Việt Tiến, Quảng Minh, Bích Động, Tụ Lạn, Hương Mai, Trung Sơn, Tiên Sơn, Ninh Sơn, Thượng Lan, Nghĩa Trung, Minh Đức.

+ Cây lạc: Các vùng sản xuất chính là Minh Đức, Nghĩa Trung, Trung Sơn, Thượng Lan, Hương Mai, Tiên Sơn, Ninh Sơn, Tụ Lạn, Việt Tiến. Duy trì diện tích năm 2025 là 550 ha.

+ Cây hoa, cây cảnh: Tại các xã Việt Tiến, Hồng Thái, thị trấn Nénh, thị trấn Bích Động, Nghĩa Trung, Tụ Lạn, Trung Sơn, Quảng Minh, Minh Đức. Diện tích đất quy hoạch khoảng 20 ha, tăng diện tích cây hoa trên toàn huyện để năm 2025 diện tích gieo trồng khoảng 20 ha. Tập trung vào một số loài hoa chính như hoa Lan các loại; hoa lyly; cây cảnh, bon sai; hoa thắm, hoa công trình.

- Chăn nuôi:

+ Đàn lợn: Giữ nguyên chăn nuôi tập trung tại các xã Vùng chăn nuôi lợn Thượng Lan, Minh Đức, Nghĩa Trung, Tụ Lạn, Việt Tiến, Hương Mai; quy mô tổng đàn khoảng 100.000 con. Định hướng chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư, giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Phát triển các loại gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

+ Gia cầm: Phát triển gia cầm theo hướng chăn nuôi tập trung có quy mô phù hợp, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước; chủ động kiểm soát dịch bệnh hướng tới không chế được dịch cúm gia cầm. Đàn gia cầm năm 2025 đạt khoảng 950.000 con. Trong đó: Vùng 01 (Nghĩa Trung, Minh Đức, Thượng Lan): 550.000 con/năm; Vùng 02 (các xã Việt Tiến, Tụ Lạn, Hương Mai, Tiên Sơn, Trung Sơn): 300.000 con/năm. Trong đó, duy trì một số vùng chuyên như sau:

STT	Tên vùng tập trung	Tên sản phẩm	Loại sản phẩm	Quy mô (con)
1	Vùng chăn nuôi gà Nghĩa Trung, Minh Đức, Thượng Lan	Gà	Sản phẩm chủ lực	550.000
2	Vùng chăn nuôi gà Việt Tiến, Tụ Lạn, Hương Mai, Trung Sơn, Tiên Sơn.	Gà	Sản phẩm chủ lực	350.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>900.000</b>

+ Đàn bò: Năm 2025 là 15.000 con; đàn trâu: Năm 2025 là 1120 con.

- Thủy sản: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi thủy sản thâm canh theo tiêu chuẩn VietGap tại các xã Nghĩa Trung, Minh Đức, Thượng Lan... Với mục tiêu phấn đấu 100% diện tích nuôi trồng thủy sản sản xuất thâm canh và theo tiêu chuẩn VietGap. Sử dụng hiệu quả diện tích mặt nước ở các thủy vực (ao, mương

vườn, hồ, sông, suối,...) phát triển nuôi các loại thủy sản, thủy đặc sản bằng phương thức bán thâm canh, thâm canh thích hợp với môi trường nước và sản phẩm phải có thị trường tiêu thụ ổn định; phát triển các mô hình nuôi thủy sản phù hợp với nông nghiệp huyện Việt Yên; đặc biệt coi trọng công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản kết hợp khai thác hợp lý, bảo vệ môi trường sinh thái

STT	Tên vùng tập trung	Tên sản phẩm	Loại sản phẩm	Quy mô (ha)
1	Vùng nuôi trồng thủy sản Nghĩa Trung	Cá	Sản phẩm chủ lực	90
2	Vùng nuôi trồng thủy sản Việt Tiến	Cá	Sản phẩm chủ lực	50
3	Vùng nuôi trồng thủy sản Minh Đức	Cá	Sản phẩm chủ lực	90
4	Vùng nuôi trồng thủy sản Thượng Lan	Cá	Sản phẩm chủ lực	60
5	Vùng nuôi trồng thủy sản Trung Sơn	Cá	Sản phẩm chủ lực	60
	<b>Tổng 5 vùng</b>			<b>350</b>

- Lâm nghiệp: Duy trì diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh việc đưa các cây công nghiệp, cây lấy gỗ hiệu quả kinh tế cao trong trồng rừng sản xuất trên địa bàn. Bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn các xã Minh Đức, Tiên Sơn, Hương Mai, Vân Trung. Diện tích đất lâm nghiệp đến năm 2025 là 535.2 ha (giảm 397,8 ha rừng so với năm 2019), gồm rừng phòng hộ 124 ha; rừng sản xuất 411,2 ha<sup>48</sup>. Cụ thể:

+ Chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác khoảng 141 ha (Dự án sân Golf Việt Yên).

+ Chuyển 97 ha đất rừng phòng hộ sang mục đích đất quốc phòng (xây dựng các căn cứ chiến đấu tại các xã Minh Đức, Vân Trung).

+ Chuyển 20,8 ha đất rừng sản xuất sang mục đích đất quốc phòng (xây dựng các căn cứ chiến đấu, căn cứ hậu phương tại các xã Minh Đức, Vân Trung, Tiên Sơn, Thượng Lan).

+ Chuyển 31 ha đất rừng sản xuất sang mục đích đất san lấp theo quy hoạch (khu khai thác đất tại Núi Liên, Núi Khổng, Núi Phang, Núi Thiết Nham xã Minh Đức, tại xã Trung Sơn, xã Việt Tiến).

+ Chuyển toàn bộ diện tích đất rừng phòng hộ thuộc dãy núi Nham Biền (theo quy hoạch xây dựng công trình phòng thủ của tỉnh thuộc xã Vân Trung) sang rừng sản xuất, diện tích khoảng 108 ha.

- Đẩy mạnh hợp tác tạo liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ các sản phẩm hàng hóa chủ lực, kết nối sản xuất nông nghiệp với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, với chuỗi giá trị đối với các sản phẩm đã xây dựng được thương hiệu, có lợi thế và khả năng cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm. Hỗ trợ nông dân kết nối với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, từng bước hình thành mạng lưới sản xuất và

<sup>48</sup> Số liệu này chưa khớp với theo dõi của Sở NN&PTNT do sai số. Huyện đang sử dụng số mà UBND tỉnh báo cáo Bộ TNMT thống kê đất đai.

chuỗi cung ứng kết nối sản xuất, chế biến, phân phối và bán sản phẩm. Nghiên cứu, từng bước triển khai sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

- Huy động linh hoạt, sáng tạo các nguồn lực xã hội để củng cố, nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới, phát huy vai trò chủ thể của người dân nông thôn; tập trung vào các tiêu chí nâng cao thu nhập, mức sống và các điều kiện hưởng thụ văn hóa, thể thao của người dân nông thôn. Đẩy mạnh phong trào xây dựng thôn nông thôn mới kiểu mẫu, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Gắn xây dựng nông thôn mới với bảo tồn, giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa truyền thống của từng địa phương.

### **3. Phát triển dịch vụ**

- Định hướng phát triển ngành dịch vụ theo hướng hiện đại, trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh, nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững và mang lại thu nhập cao cho người lao động. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ để đáp ứng ngày tốt hơn nhu cầu xã hội. Phát triển đồng thời cả dịch vụ kinh tế, dịch vụ xã hội và dịch vụ công; vừa tạo ra giá trị gia tăng, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng các dịch vụ công phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân như dịch vụ hành chính, y tế, giáo dục ... Phát triển dịch vụ gắn với phát triển của công nghiệp, đô thị với sự đa dạng các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- Phát triển ngành dịch vụ đa dạng, hiện đại, bền vững; phát triển cả dịch vụ sản xuất, dịch vụ xã hội và dịch vụ công. Trong giai đoạn tới, tập trung vào phát triển dịch vụ ngành dịch vụ nhà hàng, khách sạn, bán buôn, bán lẻ, vận tải, logistics phục vụ cho nhu cầu phát triển công nghiệp; tiếp tục ưu tiên phát triển ngành dịch vụ thiết yếu; khuyến khích phát triển các loại dịch vụ mới. Nâng cao chất lượng, khả năng liên kết giữa các ngành dịch vụ để nâng cao sức cạnh tranh. Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ công như giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao, dịch vụ hành chính công.

- Ngành dịch vụ tập trung vào các các loại hình dịch vụ chủ yếu sau:

+ Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ gắn với phát triển công nghiệp và đô thị. Phát triển cả dịch vụ phục vụ sản xuất và dịch vụ công; vừa tạo ra giá trị gia tăng, vừa đảm bảo nâng cao chất lượng các dịch vụ công phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân như dịch vụ hành chính, y tế, giáo dục ...

+ Thu hút đầu tư các siêu thị, trung tâm thương mại tại các đô thị; chợ tại vùng nông thôn; tiếp tục nâng cao chất lượng, đa dạng hình thức bán buôn, bán lẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong chi tiêu, mua sắm.

+ Phát triển dịch vụ du lịch: Phát triển du lịch tâm linh kết hợp làng nghề truyền thống kết hợp mua sắm nông sản. Phối hợp với các tỉnh để xây dựng các tour, cụ thể tuyến Hà Nội - Bắc Giang - Lạng Sơn - Hà Nội để khai thác giá trị du lịch tại chùa Bồ Đà, làng nghề Vân Hà, dân ca quan họ... Thu hút đầu tư làng cổ Bắc Bộ tại xã Tiên Sơn. Hỗ trợ đầu tư Sân Golf Việt Yên.

+ Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ nhà hàng, khách sạn: Tạo điều kiện thuận lợi phát triển dịch vụ khách sạn, nhà hàng, khu nghỉ dưỡng đáp ứng nhu cầu của

nhân dân trong huyện, đặc biệt là nhu cầu khu công nghiệp. Tập trung tại các địa phương: Nénh, Hồng Thái, Bích Động, Việt Tiến, Hương Mai...

+ Bố trí các khu dịch vụ chính của huyện trong giai đoạn quy hoạch:

- Khu vực thị trấn Bích Động: Tại đường tránh thị trấn Bích Động và Khu đô thị mới Bích Động.
- Khu vực xã Hồng Thái: Đình Trám-Sen Hồ (Khu A – Khu đô thị Đình Trám Sen Hồ).
- Khu vực xã Tăng Tiến và xã Vân Trung.

Ngoài ra, trong từng khu dân cư mới và tại các khu vực trung tâm các xã đều bố trí trung tâm dịch vụ thương mại, mạng lưới chợ (quy mô: 0,5-1ha/1chợ) cùng hệ thống trung tâm văn hoá thể thao, y tế, vườn hoa để cung cấp đầy đủ dịch vụ hạ tầng xã hội thiết yếu tạo môi trường ở hoàn thiện.

- Phát triển chợ và siêu thị: Khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ sang doanh nghiệp, HTX quản lý để tăng hiệu quả sử dụng và huy động vốn đầu tư cơ sở hạ tầng.

Giai đoạn 2021-2025: Xóa bỏ chợ Can Vang, Tiên Sơn. Di dời chợ Bích Động sang vị trí mới tại Khu dân cư, thương mại chợ mới Bích Động; di dời chợ Nénh sang khu công Vực, thôn Sen Hồ, thị trấn Nénh. Quy hoạch mới 01 chợ hạng 3 tại Quang Châu. Bổ sung 01 chợ tại thôn Trung Đồng, xã Vân Trung.

- Trung tâm thương mại: Giai đoạn 2021-2025: Quy hoạch mới và thu hút đầu tư 01 trung tâm thương mại tại Bích Động.

- Hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu: Xây dựng mới một số cửa hàng xăng dầu dọc các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường vành đai IV trên địa bàn, cự ly khoảng cách đảm bảo tiêu chuẩn quy chuẩn; tiếp tục rà soát bổ sung 5 cửa hàng xăng dầu theo định hướng của ngành Công Thương tỉnh dọc đường vành đai IV. Quy hoạch thêm 6 cửa hàng xăng dầu tại một số tuyến đường mở mới trên địa bàn.

- Dịch vụ du lịch:

+ Tiếp tục đầu tư, thu hút đầu tư phát triển và hình thành không gian du lịch, dựa trên đặc trưng, giá trị nổi bật từng không gian, trong mối liên kết tổng thể và gắn kết chặt chẽ với định hướng phát triển đô thị, phát triển vùng:

- Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà: quy mô 138 ha.
- Đền thờ danh nhân văn hóa tiến sĩ Thân Nhân Trung, làng Yên Ninh Thị trấn Nénh: quy mô 2,5ha.
- Đền thờ Hán Quận công Thân Công Tài, xã Hồng Thái
- Đền thờ nữ anh hùng Công an nhân dân đầu tiên Cao Kỳ Vân tại núi Mỏ Thổ, xã Minh Đức.
- Khu sân golf Việt Yên: quy mô 140 ha tại khu vực đồi núi xã Trung Sơn và xã Hương Mai.

- Khu du lịch sinh thái núi Nham Biền (xã Vân Trung): phát triển các khu vực tại núi Nham Biền hình thành một khu nghỉ dưỡng, du lịch thể thao leo núi, cắm trại, gắn kết với các khu thể thao vui chơi giải trí sân golf huyện Yên Dũng;
- Làng văn hóa du lịch Vân Hà: Phát triển bảo tồn làng nghề truyền thống và các di tích có giá trị, đầu tư hệ thống giao thông, bến thuyền du lịch, cải tạo môi trường làng nghề, phát triển các điểm dịch vụ du lịch trong làng.
- Làng bảo tồn quan họ xã Ninh Sơn và làng Sen Hồ, thị trấn Nénh: Xây dựng làng nông thôn mới kiểu mẫu; xây dựng bảo tồn các không gian văn hóa quan họ, phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn di sản văn hóa.

+ Phát triển các cơ sở lưu trú du lịch:

<b>STT</b>	<b>Các chỉ tiêu</b>	<b>ĐV tính</b>	<b>Đến năm 2025</b>
1	<i>Khách sạn</i>	<i>Cơ sở</i>	13
	Khách sạn 5 sao	Cơ sở	
	Khách sạn 4 sao	Cơ sở	1
	Khách sạn 3 sao	Cơ sở	3
	Khách sạn 2 sao	Cơ sở	2
	Khách sạn 1 sao	Cơ sở	4
2	<i>Nhà khách</i>	<i>Cơ sở</i>	1
3	<i>Nhà nghỉ</i>	<i>Cơ sở</i>	110

- Phát triển các dịch vụ khác: Dịch vụ kinh doanh bất động sản gắn với phát triển đô thị; dịch vụ tài chính, ngân hàng và bảo hiểm; phát triển dịch vụ công.

#### **4. Phát triển doanh nghiệp, kinh tế hợp tác và thu ngân sách**

Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Chú trọng thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp và hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp trong tiếp cận vốn, thị trường và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Thúc đẩy phát triển kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã theo hướng đa dịch vụ. Tập trung củng cố, kiện toàn các hợp tác xã đủ mạnh để thực hiện tốt vai trò tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị trong nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác thu ngân sách, đặc biệt là thu tiền sử dụng đất. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu, nợ đọng thuế, chuyển giá; thanh tra, kiểm tra trong quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước. Xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản mới. Giữ nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách. Quản lý chặt chẽ, thực hiện hiệu quả thu ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư công, triệt để tiết kiệm chi và chấp hành nghiêm các tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

#### **5. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chủ yếu**



### 5.1. Hạ tầng giao thông

Tiếp tục quan tâm đầu tư hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, tạo không gian phát triển mới về công nghiệp, dịch vụ. Nâng cấp quy mô cấp đường giao thông đô thị và nông thôn.

- Hoàn thành đầu tư các dự án giao thông trọng điểm: Cầu vượt QL1, kết nối đường vành đai IV với đường trong KCN Quang Châu và mở rộng đường gom QL1; đường kết nối QL17 - KCN Việt Hàn - KCN Đình Trám với QL37; đường nối đường Vành đai IV (huyện Việt Yên) với Khu đô thị mới Tây Bắc (thành phố Bắc Ninh); đường nối QL17 với QL37 qua KCN Vân Trung; đường kết nối Quốc lộ 37 đi đường Vành đai IV vùng thủ đô Hà Nội; xây mới đường từ KCN Quang Châu kết nối với đường ĐH5 và KCN Yên Lư (Yên Dũng); đường kết nối đường tránh QL37 với QL17 của thành phố Bắc Giang (qua Nghĩa Trung). Phối hợp cơ quan của tỉnh hoàn thiện mạng khung giao thông chính trên địa bàn: Vành đai IV, tuyến nối các huyện Hiệp Hòa - Việt Yên - Tân Yên – Lạng Giang; tuyến kết nối Việt Yên – Tân Yên – ĐT294; cầu vượt cao tốc Hà Nội – Bắc Giang tại xã Tăng Tiến và thị trấn Nénh.

- Tiếp tục hoàn thiện mạng đường trong khu vực thị trấn Bích Động, Nénh và khu đô thị mới phía Nam và khu Tây Nam.

- Bãi đỗ xe: Xây dựng một số bãi đỗ xe tĩnh tại thị trấn Bích Động, Vân Trung 2,5ha, phía Nam thị trấn Nénh 2,3ha theo quy hoạch.

### 5.2. Hạ tầng KCN, CCN:

Thực hiện đầu tư hạ tầng bên ngoài hàng rào KCN theo quy hoạch; trọng tâm là hệ thống giao thông, điện, nước, nhà ở công nhân,... Quan tâm hạ tầng xã hội tại các xã xung quanh KCN. Hỗ trợ các chủ đầu tư nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đã được chấp thuận đầu tư và các khu vực theo quy hoạch.

5.3. Hạ tầng nông nghiệp, nông thôn: Đầu tư hệ thống thủy lợi, hạ tầng điện, đường nội đồng phục vụ các vùng chuyên sản xuất nông nghiệp, gắn với thu hút công nghiệp chế biến và ứng dụng công nghệ cao. Huy động nguồn lực để nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường, không phá vỡ cảnh quan sinh thái nông thôn; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch, kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống và đáp ứng điều kiện sống mới.

### 5.4. Hạ tầng điện<sup>49</sup>

Nâng cấp Trạm 110kV KCN Vân Trung bằng việc lắp thêm máy 2 1x63MVA; nâng cấp Trạm 110kV KCN Quang Châu bằng việc lắp thêm máy 2 1x40MVA; xây mới trạm 110kV công suất 1x63MVA cho mỗi KCN quy hoạch.

Với trạm hạ áp 22/0,4kV: Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành; các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm

<sup>49</sup> Tổng nhu cầu dùng điện theo tính toán đến 2025 khoảng 478.3MW, tương đương 530MVA. Trong đó công nghiệp là 328.6MW và dân dụng là 149.8MW.

22/0,4kV. Trên cơ sở nhu cầu dùng điện của từng khu vực, bố trí các trạm lưới 22/0,4kV cho phù hợp với công suất yêu cầu.

### 5.5. Hạ tầng cấp nước

Bổ sung nguồn nước sạch từ hệ thống cấp nước DNP Bắc Giang cho đô thị Việt Yên khoảng 25.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Giữ nguyên công suất hiện có Nhà máy nước Việt Yên: 9.000 m<sup>3</sup>/ngđ; Nhà máy nước xã Quang Châu. Đầu tư xây dựng 01 nhà máy nước sạch tại Tiên Sơn để phục vụ KCN Hòa Yên và cư dân khu vực. Nâng công suất trạm bơm tăng áp Bích Động: 15.000 m<sup>3</sup>/ngđ và trạm bơm tăng áp Tăng Tiến lên 3.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Cải tạo và nâng công suất trạm cấp nước Vân Hà: 1.500 m<sup>3</sup>/ngđ nguồn nước sông Cầu.

### 5.6. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Quy hoạch thoát nước thải: Giai đoạn đến 2025, thu hút đầu tư xây dựng theo hình thức đối tác công tư PPP 01 trạm xử lý nước thải tại lưu vực thị trấn Bích Động, công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngđ. Đồng bộ hệ thống thu gom toàn lưu vực thu nước. Tại các khu vực ngoại thị và các xã, nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý cục bộ đạt quy chuẩn môi trường trước khi xả ra mạng lưới thoát nước chung.

- Quy hoạch quản lý CTR: Thu hút đầu tư nhà máy xử lý rác thải tại Khu xử lý rác tập trung của huyện hoặc khu xử lý của xã Thượng Lan để tăng cường năng lực xử lý rác thải sinh hoạt trong khoảng 5 năm tới; trang bị thêm lò đốt rác công nghệ tại các địa phương. Tiếp tục sử dụng khu xử lý CTR hợp vệ sinh hiện có của huyện trong giai đoạn đầu đến trước năm 2025 (diện tích 6,22ha).

- Quy hoạch nghĩa trang: Đối với các nghĩa trang hiện có, sẽ tiến hành cải tạo xây dựng lại, đảm bảo tăng diện tích cây xanh, bổ sung hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường. Tiếp tục quy hoạch mở rộng, cải tạo các nghĩa trang mới.

### 5.7. Hạ tầng thông tin truyền thông<sup>50</sup>

Từng bước hạ ngầm cáp xuống vỉa hè để bảo đảm mỹ quan ở khu vực phát triển đô thị cũ. Thực hiện đồng bộ hạ ngầm tại các khu đô thị, khu dân cư mới.

### 5.8. Hạ tầng xã hội: Y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, công cộng, đô thị

- Y tế: Xây mới, cải tạo, nâng cấp 100% trạm y tế xã đã xuống cấp. Nâng cấp Trung tâm y tế huyện lên quy mô 280 giường và mở rộng diện tích 2,5 ha.

Quy hoạch, thu hút đầu tư bệnh viện quy mô 350 giường tại thôn Ninh Khánh, thị trấn Nénh (diện tích 2,0 ha); 01 bệnh viện đa khoa tại tổ dân phố Tăng Quang, thị trấn Bích Động 39 giường (đã có đất sạch được quy hoạch tại Khu dân cư Nguyễn Thế Nho); phòng khám đa khoa tại các khu vực đô thị mới theo quy hoạch (01 tại thôn Ninh Động – xã Ninh Sơn, 1 tại khu đô thị Đình Trám - Sen Hồ; diện tích 0,3ha/1 công trình).

- Giáo dục: Xây mới các trường học xuống cấp, bổ sung phòng học, phòng chức năng còn thiếu theo kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2; đảm bảo quy chuẩn, tiêu chuẩn đô thị loại IV và thị xã.

<sup>50</sup> Nhu cầu toàn khu vực đến 2025 khoảng 100.000 thuê bao.

- Giáo dục nghề nghiệp: Đến năm 2025 toàn huyện có 3 cơ sở GDNN, cơ sở hoạt động GDNN, bao gồm: Giữ nguyên 01 điểm trường Đại học Nông lâm; giữ nguyên Trung tâm GDTX-DN của huyện: quy hoạch, thu hút, thành lập mới 01 trường Cao đẳng tự thực đào tạo ở nhóm nghề công nghiệp – xây dựng và dịch vụ với quy mô 4-5 ha (tại Khu phố 1, thị trấn Bích Động).

- Văn hóa:

+ Xếp hạng di tích:

- Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia đặc biệt di tích Đình, chùa Thổ Hà.
- Lập hồ sơ xếp hạng di tích cấp quốc gia với 5 di tích: Đình Thượng Lát (Tiên Sơn; sỏi Vật cầu nước (làng Yên Viên, xã Vân Hà); đình Mai Vũ (thôn Mai Vũ, xã Ninh Sơn); đình Khả Lý Hạ (thôn Khả Lý Hạ, xã Quảng Minh); chùa An Thổ Tự (thôn Quang Biều, xã Quang Châu).
- Lập hồ sơ quy hoạch xếp hạng di tích cấp tỉnh đối với 23 di tích và phân kỳ theo giai đoạn cụ thể như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên di tích</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Năm đề nghị xếp/nâng hạng</i>
1	Đình làng Ngân Đài	Thôn Đài Sơn, xã Minh Đức	2020
2	Nhà thờ Thiết Nham	Thôn Thiết Nham, xã Minh Đức	2022
3	Đình làng Bẩy	Thôn Bẩy, xã Tăng Tiến	2020
4	Đền Cầu Chằm	Thôn Chằm, xã Tăng Tiến	2020
5	Đền Cầu Tỏi	Thôn Chùa, xã Tăng Tiến	2020
7	Linh Sơn Tự (chùa Kẻ)	Thôn Kẻ, xã Quảng Minh	2022
8	Miếu Bà Cô	Thôn Khả Lý Thượng, xã Quảng Minh	2024
9	Nghè Trùng	Thôn Đông Long, xã Quảng Minh	2025
10	Nghè Vân Cốc	Thôn Vân Cốc xã Vân Trung	2024
11	Đền Non	Thôn Vân Cốc xã Vân Trung	2021
12	Chùa Làng Hà Hạ	Thôn Hà, xã Việt Tiến	2025
13	Chùa làng Kép	Thôn Kép, xã Việt Tiến	2024
14	Chùa, Đền, Nghè thôn Núi	Thôn Núi, xã Việt Tiến	2022

<i>STT</i>	<i>Tên di tích</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Năm đề nghị xếp/nâng hạng</i>
15	Đền Thờ Thạch Linh Thần Tướng (Đền Thượng)	Thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn	2020
16	Chùa Độc Cước	Thôn Thượng Lát, xã Tiên Sơn	2020
17	Chùa Sùng Ân	Thôn Văn Xá, thị trấn Bích Động	2020
18	Nghè Thượng Phúc	Thôn Thượng Phúc, xã Tăng Tiến	2020

+ Bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể:

- Tiếp tục bảo tồn một số di sản đã được UNESCO công nhận như dân ca Quan họ, Ca trù, tín ngưỡng thờ Mẫu tam phủ của người Việt, các làng nghề thủ công truyền thống.
- Xây dựng 02 nhà trưng bày và biểu diễn quan họ tại Trung tâm Văn hóa huyện 51 và thôn Hạ Lát, xã Tiên Sơn. Tổng diện tích 2.000 m<sup>2</sup>.
- Bảo tồn và phục dựng 3-5 lễ hội truyền thống: làng nghề mây tre đan (Tăng Tiến); hỗ trợ phát triển làng nghề Thổ Hà. Áp dụng rộng rãi thành tựu khoa học-công nghệ trong hoạt động của bảo tàng nhất là hoạt động trưng bày, kiểm kê, bảo quản hiện vật. Triển khai xây dựng mô hình bảo tồn không gian làng bản cổ truyền các dân tộc từ khung định hướng của tỉnh: Thổ Hà, huyện Việt Yên.
- Xã hội hóa xây dựng Tượng đài TS. Thân Nhân Trung.

+ Thiết chế văn hoá: Hoàn thiện, bổ sung quy hoạch sử dụng đất và đầu tư xây dựng Nhà Văn hoá đa năng đảm bảo diện tích trên 5.000 m<sup>2</sup>; xây dựng Thư viện (độc lập) với quy mô diện tích từ 500-1.000m<sup>2</sup>; xây dựng 02 công viên trung tâm tại thị trấn Bích Động và thị trấn Nénh. 01 Rạp chiếu phim tại Bích Động.

Bổ sung quy hoạch đất và xây dựng nhà văn hóa cho các đơn vị hành chính cấp xã chưa có nhà văn hóa đạt chuẩn. Bổ sung quỹ đất nhà văn hóa thôn, khu phố (thôn Nông Lâm - thị trấn Bích Động, thôn My Điền 1 – thị trấn Nénh, khu phố Nénh - thị trấn Nénh, thôn Chùa – xã Minh Đức, thôn Thần Chúc – xã Tiên Sơn, thôn Kim Sơn - xã Tiên Sơn, thôn Nguyệt Đức – xã Vân Hà, thôn Nguyễn – xã Trung Sơn, thôn Vân Cốc 2 – xã Vân Trung, thôn Rãnh – xã Tự Lạn). Hoàn thiện 28 nhà văn hóa thôn, khu phố chưa đạt chuẩn (có diện tích dưới 3.000 m<sup>2</sup>). Cải tạo, nâng cấp 66 trung tâm văn hóa với tổng diện tích tăng thêm 37,87ha.

- Thể dục thể thao: Xây dựng và hoàn thiện cơ bản đầy đủ hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao chủ yếu ở tất cả các cấp trong huyện. Thu hút đầu tư, đẩy mạnh công tác xã hội hóa, khuyến khích phát triển các thiết chế văn hóa, thể thao ngoài

<sup>51</sup> Sở VH-TT-DL đề nghị tại thị trấn Nénh.

công lập. Đến năm 2025, đất cơ sở văn hoá, cơ sở TDTT toàn huyện đạt từ 5 - 6 m<sup>2</sup>/đầu người, đến năm 2030 đạt 6 - 7 m<sup>2</sup>/đầu người. Hệ thống thiết chế VHTT đồng bộ ở cả 2 cấp hành chính, trong đó cấp huyện hoàn thành đầu tư xây dựng Thư viện huyện, Sân vận động huyện, quần thể thể dục thể thao huyện, nhà thiếu nhi, một số công viên tại đô thị trung tâm; tất cả các thôn, khu phố trên địa bàn huyện có ít nhất 01 điểm vui chơi cộng đồng.

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Địa điểm</b>	<b>Đến năm 2025</b>
<b>I</b>	<b>Hoàn thiện thiết chế VHTT</b>		
<b>1</b>	<b>Cấp huyện</b>		
	Trung tâm VHTT huyện cấp đô thị	Bích Động	1
	Thư viện huyện	Bích Động	1
	Quần thể nhà nhà thiếu nhi, văn hóa, trung tâm TDTT; quy mô khoảng 13 ha bao gồm 1 sân vận động 10.000 – 15.000 chỗ ngồi, 1 nhà thi đấu khoảng 2.000 chỗ ngồi, bể bơi và các sân tập thể thao	Bích Động	0
	Công viên cây xanh tập trung	Bích Động, Nénh	2
	Sân vận động huyện từ 2,5-3ha (có tường bao quanh, khán đài)	Bích Động	1
	Trung tâm triển lãm, hội nghị quy mô khoảng 3 ha	Bích Động	
	Rạp chiếu phim	Bích Động, Nénh	1
<b>2</b>	<b>Cấp xã</b>		
	Trung tâm TDTT cấp đô thị xây mới khác quy mô 3 – 5 ha/khu được tại thị trấn Nénh và Khu đô thị mới Ninh Sơn.	Nénh, Ninh Sơn	
	Đơn vị hành chính cấp xã có Trung tâm VHTT đạt tiêu chuẩn	Xã/ thị trấn	95
	Thôn có NVH - Khu thể thao đảm bảo tiêu chuẩn.	Xã/ thị trấn	98
	Thôn có khu vui chơi cộng đồng	Xã/ thị trấn	75
	Xã, thị trấn có 01 sân thể thao phổ thông, diện tích từ 6.000-7.000m <sup>2</sup> (bố trí đủ diện tích sân bóng 11 người).	Xã/ thị trấn	75
	Xã, thị trấn có 01 nhà tập TDTT kết hợp sinh hoạt văn hóa, diện tích từ 500m <sup>2</sup>	Xã/ thị trấn	75
	Có từ 3-6 sân tập từng môn: bóng chuyền, cầu lông, đá cầu...	Xã/ thị trấn	75
<b>II</b>	<b>Thiết chế VHTT KCN</b>		
	KCN có Trung tâm VHTT phục vụ công nhân	KCN	50

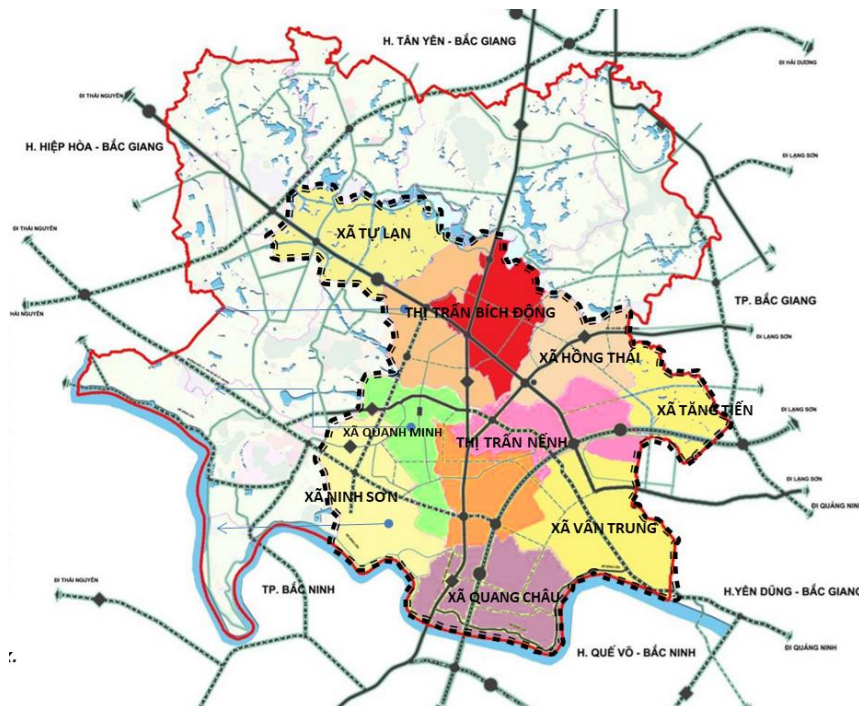
Đến năm 2025, phân đầu 90% xã, thị trấn có: 01 sân thể thao phổ thông diện tích từ 6.000-7.000m<sup>2</sup> (bố trí đủ diện tích sân bóng 11 người); 01 nhà tập TDTT kết hợp sinh hoạt văn hóa, diện tích từ 500m<sup>2</sup>; có từ 3-6 sân tập từng môn: bóng chuyền, cầu lông, đá cầu... hoặc thể thao ngoài trời.

- Công viên, cây xanh: Quy hoạch cải tạo các ngôi, đầm trũng tại khu vực thị trấn Bích Động, Quảng Minh và Ninh Sơn, kết hợp xây dựng các khu công viên cây xanh mặt nước tự nhiên tạo thành một hệ thống liên hoàn, vừa có tác dụng tiêu thoát nước, vừa đem lại giá trị cảnh quan, du lịch, phục vụ nhu cầu nghỉ ngơi giải trí nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân đô thị. Quy hoạch, xây dựng các công viên, vườn hoa nhỏ trong các khu đô thị, khu ở, đảm bảo tối thiểu đạt 2m<sup>2</sup>/người. Trong giai đoạn 2021-2025, tập trung đầu tư 04 công viên: Công viên, cây xanh trung tâm huyện tại thị trấn Bích Động<sup>52</sup>; công viên Nguyễn Thế Nho; mở rộng quảng trường trung tâm thị trấn Nénh; công viên Trung tâm thị trấn Nénh. Đầu tư đồng bộ cây xanh tại các tuyến đường hiện hữu QL37, ĐT295B, ĐT298 và 100% các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn có quy mô từ 5 ha trở lên.

- Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình trọng điểm: Khu bảo tồn di tích cấp quốc gia đặc biệt chùa Bồ Đà; đền thờ Danh nhân văn hóa tiến sĩ Thân Nhân Trung; Làng văn hóa du lịch Vân Hà; Làng bảo tồn quan họ xã Ninh Sơn; Làng Sen Hồ thị trấn Nénh; Khu sân golf, dịch vụ Việt Yên; cải tạo nâng cấp các di tích đã xếp hạng.

## 6. Phát triển đô thị

- Khu vực nội thị: bao gồm 9 đơn vị hành chính: Thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh, Hồng Thái, Tăng Tiến, Quảng Minh, Ninh Sơn, Vân Trung, Quang Châu và Tụ Lạn.



<sup>52</sup> Khu vực bảo hiểm xã hội, 1 cửa liên thông, phòng TNMT và sân vận động huyện.

Khu vực ngoại thị: Việt Tiến, Hương mai, Trung Sơn, Tiên Sơn, Nghĩa Trung, Minh Đức, Thượng Lan, Vân Hà.

- Phát triển, nâng cấp, mở rộng không gian đô thị hiện hữu. Tập trung phát triển đô thị trên cơ sở lõi đô thị là thị trấn Bích Động mở rộng hướng sang phía Tây và Tây Nam các xã Quảng Minh, thị trấn Nénh và xã Ninh Sơn với tính chất dân cư đô thị, hành chính, văn hóa, dịch vụ thương mại và du lịch. Hướng phát triển thứ hai về phía Nam và Đông Nam huyện, dọc trục cao tốc Hà Nội – Lạng Sơn và QL1 với tính chất công nghiệp tập trung và các khu dân cư, dịch vụ phục vụ các KCN, CCN. Hướng phát triển thứ ba là dọc tuyến đường vành đai IV thủ đô Hà Nội với tính chất công nghiệp và dân cư gắn với dịch vụ du lịch. Hướng phía Bắc huyện phát triển khu dân cư phân tán trên cơ sở các CCN, điểm dân cư hiện có, hình thành các điểm dân cư mới gắn với các trung tâm xã.

- Xây dựng Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị; Đề án tuyến phố văn minh. Nâng tỷ lệ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, tạo nền tảng xây dựng hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị.

- Lập lại trật tự cảnh quan đô thị đặc biệt là các tuyến đường hiện hữu, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện giải tỏa vi phạm lòng đường vỉa hè, hành lang giao thông. Có giải pháp duy trì quản lý sau thực hiện. Xem xét nghiên cứu lựa chọn, tham vấn ý kiến nhân dân thay đồng loạt cây xanh tại vỉa hè các tuyến đường: Thân Nhân Trung (Bích Động), Hoàng Hoa Thám (Bích Động), Thân Công Tài (Nénh) vào năm 2021 -2022 nhằm tạo điểm nhấn đô thị.

- Trong năm 2020, hoàn thành Đề án phân loại đô thị thị trấn Bích Động, thị trấn Nénh sau sáp nhập. Chương trình phát triển đô thị, khu vực đề xuất phát triển đô thị huyện Việt Yên. Lập 03 quy hoạch phân khu (đô thị trung tâm thị trấn Bích Động-Bích Sơn, đô thị thương mại, dịch vụ Nénh-Hoàng Ninh, đô thị sinh thái Quảng Minh-Ninh Sơn). Phối hợp cùng Sở Xây dựng hoàn thành đề án quy hoạch phân khu dọc tuyến đường vành đai IV. Tiếp tục thực hiện các đề án quy hoạch phân khu để phủ kín quy hoạch chung được duyệt.

- Đôn đốc các chủ đầu tư hoàn thành các khu dân cư, khu đô thị đã có quyết định đầu tư. Tập trung nguồn lực thực hiện dự án để thực hiện tiêu chí đô thị loại IV: Khu liên hiệp thể thao huyện; Thư viện huyện; Công viên trung tâm huyện; Nhà máy xử lý nước thải; Cây xanh cảnh quan chỉnh trang đô thị.

### ***7. Về tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường***

- Hoàn thành xây dựng quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 2021-2026 các cấp và hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn huyện.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tăng cường kiểm tra tình hình sử dụng đất đối với tổ chức được nhà nước giao đất, cho thuê đất có dấu hiệu vi phạm trên địa bàn. Tiếp tục tập trung chỉ đạo tháo gỡ khó khăn trong công tác đất đai theo Thông báo số 480-TB/TU ngày 20/12/2018, Kết luận số 208-KL/TU ngày 18/7/2019, Chỉ thị số 19-CT/TU ngày

11/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 29/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra việc quản lý, sử dụng đất đai. Gắn vai trò trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn, đặc biệt là hoạt động khai thác đất trái phép. Kiểm điểm trách nhiệm người đứng đầu nếu để xảy ra nhiều vi phạm gây bức xúc trong nhân dân mà không kịp thời giải quyết, báo cáo.

- Tập trung giải quyết vấn đề môi trường theo Chỉ thị số 17-CT/TU ngày 27/02/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 16/3/2020 của UBND tỉnh và Nghị quyết số 460-NQ/HU, ngày 07/4/2020 của Ban thường vụ Huyện ủy. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường tại các doanh nghiệp. Đôn đốc, yêu cầu chủ đầu tư CCN trên địa bàn xây dựng trạm xử lý nước thải đảm bảo trước khi xả nước ra môi trường.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận của người dân trong việc bồi thường, GPMB đặc biệt là các dự án trọng điểm đầu tư công, các dự án thu hút đầu tư tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội.

## **II. Về phát triển văn hóa - xã hội**

### **1. Phát triển giáo dục - đào tạo**

- Tiếp tục rà soát, dự báo quy mô phát triển, sắp xếp lại các cơ sở giáo dục đảm bảo hợp lý. Đẩy mạnh thực hiện giải quyết vấn đề trường, lớp học xung quanh các KCN. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp gắn với rà soát, sắp xếp lại đảm bảo đủ số lượng, cơ cấu giáo viên các cấp học theo quy định, đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng.

- Đẩy mạnh định hướng nghề nghiệp và phân luồng học sinh sau THCS; tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống, giáo dục thể chất cho học sinh sinh viên, bảo đảm an toàn trường học. Thực hiện đúng lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông. Nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong dạy, học và quản lý giáo dục; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, bảo đảm chất lượng các hoạt động giáo dục và đào tạo.

- Đa dạng hóa các loại hình đào tạo nghề theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng và xã hội hóa; chú trọng đào tạo nghề cho lao động nông thôn nơi có đất thu hồi, chuyển mục đích làm công nghiệp, đô thị.

### **2. Về y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

- Mở rộng quy mô giường bệnh của Trung tâm Y tế huyện. Cùng cố nâng cao hiệu quả hoạt động của các trạm y tế xã, thị trấn, tập trung vào các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh, chất lượng điều trị.

- Tăng cường xã hội hóa y tế, phát triển y tế tư nhân theo quy hoạch (tại Khu dân cư Nguyễn Thế Nho, tại Khu đô thị Đình Trám – Sen Hồ, tại thị trấn Nénh, tại Ninh Sơn và Minh Đức). Thực hiện tích hợp, liên thông hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử.



Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Chú trọng cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ trong các cơ sở y tế. Tiếp tục phát triển nhân lực y tế các cấp; quan tâm nâng cao y đức của đội ngũ y, bác sỹ và nhân viên y tế. Tăng cường quản lý nhà nước về dược phẩm, an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt chính sách khám, chữa bệnh BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi, người cao tuổi.

- Tiếp tục thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Tăng cường hoạt động truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi thực hiện các nội dung về chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh. Hoàn thiện cơ chế lồng ghép, phối hợp liên ngành trong công tác dân số, gia đình, bảo vệ chăm sóc sức khỏe và giáo dục trẻ em, phòng bệnh béo phì ở trẻ em.

### ***3. Về phát triển văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông, phát thanh, truyền hình***

- Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của địa phương. Nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới và văn minh đô thị. Chỉ đạo xây dựng nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội. Thực hiện tốt công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

- Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá truyền thống, mang nét đặc trưng của Việt Yên, khích lệ sáng tạo các giá trị văn hoá mới, phù hợp, làm giàu nét đẹp văn hoá địa phương. Giải quyết hợp lý, hài hoà giữa bảo tồn, phát huy di sản văn hoá với phát triển kinh tế - xã hội. Khai thác, giới thiệu, quảng bá những đặc trưng tự nhiên, văn hoá riêng biệt, tạo nên điểm nhấn nổi bật. Trọng tâm là quần thể di tích chùa Bồ Đà – đình, chùa Thổ Hà; đền thờ tiến sỹ Thân Nhân Trung;...

Củng cố các thiết chế văn hoá cơ sở, trọng tâm là hệ thống trung tâm văn hóa cấp xã. Xây dựng một số công trình văn hoá tiêu biểu cấp đô thị.

Phát triển và nâng cao chất lượng các phong trào thể dục, thể thao quần chúng; quan tâm phát triển sân bãi thể dục, thể thao ở cơ sở, trang bị một số thiết bị tập luyện ngoài trời ở một số khu công cộng; chú trọng phát triển thể dục - thể thao học đường. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động thể dục, thể thao gắn với đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thể dục, thể thao.

### ***4. Về phát triển khoa học – công nghệ***

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong một số ngành, lĩnh vực chủ yếu như: Sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp chế biến, lĩnh vực môi trường và quản lý nhà nước.

### ***5. Thực hiện các chính sách xã hội, giảm nghèo, giải quyết việc làm***

Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, cận nghèo, người dân bị thu hồi đất nông nghiệp.

Thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống nhân dân, đặc biệt là vào dịp Tết,

tháng giáp hạt hoặc khi xảy ra thiên tai để chủ động tham mưu thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiên tai khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời để ổn định cuộc sống. Thực hiện đầy đủ chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội, kịp thời triển khai các chính sách mới bổ sung để ổn định đời sống nhân dân. Phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện theo quy hoạch. Đẩy mạnh xã hội hóa, tăng cường thu hút các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư, phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền lồng ghép công tác phòng, chống mại dâm, ma túy với các chương trình an sinh xã hội, trật tự an toàn xã hội nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi, lối sống của cá nhân, cộng đồng; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật cho người đang chấp hành hình phạt tù; người bị áp dụng biện pháp tư pháp hoặc các biện pháp xử lý hành chính, người mới ra tù tái hòa nhập cộng đồng, thanh thiếu niên vi phạm pháp luật lang thang cơ nhỡ, không xảy ra các “điểm nóng” về an ninh trật tự

Tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề bức xúc xã hội, nhất là các vấn đề về quan hệ hài hòa, ổn định, tiến bộ giữa lao động với doanh nghiệp, vấn đề tạo điều kiện để người dân có việc làm và thu nhập ổn định.

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm. Huy động thêm các nguồn lực xã hội để thực hiện công tác giảm nghèo.

### **III. Công tác nội chính**

#### ***1. Công tác tư pháp, phổ biến pháp luật***

Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tổ chức tốt việc thi hành pháp luật ở địa phương; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân.

Phát huy vai trò của Hội đồng phối hợp phổ biến giáo dục pháp luật các cấp. Tiếp tục đổi mới nội dung, nghiên cứu triển khai các hình thức mới, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng công tác phổ biến giáo dục pháp luật về cơ sở nhằm nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật cho cán bộ, nhân dân.

#### ***2. Công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền***

Thường xuyên rà soát, công khai các thủ tục hành chính trên website, nơi giải quyết thủ tục hành chính để các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận và thực hiện. Xây dựng phát triển chính quyền điện tử, chuyên đổi số, kinh tế số.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm công khai, minh bạch, giảm chi phí và thời gian tuân thủ. Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận một cửa huyện và cấp xã. Siết chặt kỷ cương hành chính, công vụ; xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính; xử lý nghiêm các hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, tiêu cực, nhũng nhiễu, có thái độ cửa quyền đối với người dân và doanh nghiệp. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin. Triển khai thực hiện việc đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh (DDCI) theo kế hoạch.

Tiếp tục sắp xếp bộ máy, biên chế tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện. Đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, năng động, gương mẫu, nói đi đôi với làm; không ngừng đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, tạo niềm tin của doanh nghiệp vào sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước. Nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức; khắc phục tình trạng “trên nóng, dưới lạnh”. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật, trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, phát hiện kịp thời và chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, đồng thời, biểu dương những cá nhân, tập thể điển hình hoàn thành tốt nhiệm vụ.

### ***3. Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh***

Xây dựng lực lượng vũ trang huyện vững mạnh toàn diện, có sức chiến đấu cao, bảo đảm chủ động sẵn sàng tác chiến. Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chăm lo xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên, không ngừng nâng cao chất lượng huấn luyện. Thực hiện tốt công tác động viên, tuyển quân, công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chuẩn bị tốt điều kiện để diễn tập khu vực phòng thủ huyện trong giai đoạn (dự kiến năm 2023).

Xây dựng lực lượng công an huyện, công an xã chính quy vững mạnh. Chủ động ngăn chặn, xử lý kịp thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự. Tăng cường các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm, kiềm chế gia tăng tội phạm, giảm các tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hiệu quả, thực chất; củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ, đội dân phòng. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông trên cả 3 tiêu chí.

### ***4. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí***

Nâng cao trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo. Làm tốt công tác tiếp công dân. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh và rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài. Thực hiện tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn đúng quy định; tổ chức thực hiện tốt các quyết định, kết luận giải quyết khiếu nại, tố cáo có hiệu lực pháp luật, đạt tỷ lệ trên 85%.

Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, nhất là công khai, minh bạch hoạt động của tổ chức, cơ quan, đơn vị; minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức; thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; xây dựng và thực hiện tốt các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính; thực hiện việc thanh toán không dùng tiền mặt và trả lương, thu nhập qua tài khoản...

#### **IV. Các nhóm giải pháp chủ yếu**

1. Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thân thiện. Chủ động tìm hiểu, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng chính quyền điện tử. Tăng cường đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao; nâng cao trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền đối với nhân dân và xã hội.

2. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Đa dạng hóa các hình thức huy động vốn thông qua cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư; triển khai công tác xúc tiến đầu tư; huy động tối đa nguồn vốn từ quỹ đất và các hình thức đầu tư khác để phát triển đô thị và công nghiệp, phát triển kết cấu hạ tầng; đẩy nhanh xã hội hóa trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa. Sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn lực ngân sách nhà nước, các nguồn vốn từ Trung ương thông qua các chương trình phát triển và các cơ chế, chính sách ưu đãi.

3. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, tập trung vào các ngành nghề xã hội có nhu cầu. Tạo điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề cho lực lượng lao động trong và ngoài doanh nghiệp. Thực hiện tốt các hình thức liên kết đào tạo để mở rộng quy mô, hình thức và ngành nghề đào tạo. Coi trọng đào tạo lực lượng công nhân lành nghề và cán bộ quản lý có trình độ cao. Giải quyết tốt vấn đề nhà ở cho công nhân.

4. Tiếp tục phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng. Tập trung các nguồn vốn cho đầu tư hoàn thiện, đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, chú trọng vào các dự án trọng tâm, trọng điểm theo quy hoạch của huyện với các hình thức đầu tư phù hợp. Tái cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo hướng giảm dần đầu tư công, tăng thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế thông qua các hình thức đầu tư PPP; tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia đầu tư vào các lĩnh vực phù hợp quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là mạng lưới giao thông, hạ tầng phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển đô thị, cấp điện, viễn thông, xử lý các vấn đề môi trường. Từng bước xây dựng hạ tầng số.

5. Phát triển khoa học và công nghệ hướng vào khai thác các tiềm năng, lợi thế trong lĩnh vực nông nghiệp địa phương. Hợp tác với các viện, trường trong nghiên cứu, ứng dụng, đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị hàng hóa sản xuất trong chuỗi sản phẩm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý nhà nước, cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử.

6. Sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh xã hội hóa công tác khai thác, cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn. Đầu tư các công trình xử lý nước thải đô thị.

7. Giữ vững ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Làm tốt công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC, phòng, chống tham nhũng; xử lý nghiêm tình trạng "tham nhũng vặt". Nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp.

10. Tăng cường dân chủ và công khai, minh bạch; huy động sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong quá trình tổ chức thực hiện để tạo sự đồng thuận xã hội.

## **V. Giải pháp đột phá cần tập trung thực hiện**

Xác định 3 đột phá, cần tập trung thực hiện:

1. Tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn đi trước một bước để tạo tiền đề cho phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành; sự năng động, quyết liệt của người đứng đầu; tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ của đội ngũ công chức, viên chức. Phát huy giá trị con văn hóa con người Việt Yên trong thực hiện công vụ. Thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật.

3. Xây dựng nền hành chính phục vụ; bộ máy hành chính nhà nước trong huyện thật sự tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí một cách quyết liệt trên tất cả các lĩnh vực, tạo chuyên biến rõ rệt.

## **VI. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Kế hoạch này, các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện; UBND các xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của địa phương, đơn vị mình; đồng thời, cụ thể hóa thành kế hoạch hằng năm để tổ chức thực hiện. Cuối năm và giữa nhiệm kỳ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch thông qua phòng Tài chính - Kế hoạch để tổng hợp báo cáo UBND huyện.

2. Đề nghị HĐND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội theo chức năng, nhiệm vụ tăng cường tuyên truyền, giám sát việc thực hiện.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương cụ thể hóa thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; đồng thời, đôn đốc việc thực hiện, định kỳ đánh giá kết quả, tổng hợp báo cáo UBND huyện.

*(Kèm theo bảng kế hoạch thực hiện )*

Trên đây là Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Việt Yên thực hiện Nghị quyết Đại hội XXIII của Đảng bộ huyện./.

### **Nơi nhận:**

- Chủ tịch và các PCT.UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Lưu: VT.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Dũng**